

NGUYỄN XUÂN NGHIỆP

**CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trần Văn Độ

Hà Nội - 2006

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: Một số vấn đề chung về xóa án tích</i>	7
1.1. Khái niệm án tích	7
1.1.1 Định nghĩa	7
1.1.2 Các dấu hiệu	13
1.2. Khái niệm xóa án tích	15
1.2.1 Định nghĩa	15
1.2.2 Điều kiện để được xóa án tích	18
1.2.3 Thủ tục xóa án tích	21
1.2.4 ý nghĩa chính trị pháp lý của việc xóa án tích	24
1.3. Xóa án tích theo pháp luật hình sự một số nước	26
1.3.1 Xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga(1/3/1996)	26
1.3.2 Xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự Nhật Bản	29
1.3.3 Xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	30
1.3.4 Xóa án tích theo Bộ luật hình sự Thái Lan	31
<i>Chương 2: chế định xóa án tích theo luật hình sự việt nam</i>	32
2.1 Chế định xóa án tích trong giai đoạn trước khi ban hành	32

	Bộ luật hình sự năm 1985	
2.2.	Chế định xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự 1985	33
2.2.1	Đương nhiên xóa án	35
2.2.2	Xóa án theo quyết định của Tòa án	42
2.2.3	Xóa án trong trường hợp đặc biệt và cách tính thời hạn để xóa án	44
2.2.4	Xóa án đối với người chưa thành niên phạm tội	45
2.3.	Chế định xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999	47
2.3.1	Đương nhiên xóa án tích	50
2.3.2	Xóa án tích theo quyết định của Tòa án	55
2.3.3	Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt và cách tính thời hạn để xóa án tích	60
2.3.4	Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội	65
	Chương 3: thực tiễn áp dụng các quy định của bộ luật hình sự về xóa án tích và một số kiến nghị	67
3.1.	Thực tiễn áp dụng chế định xóa án tích và những bất cập, vướng mắc	67
3.1.1	Đánh giá khái quát về việc áp dụng chế định xóa án tích	67
3.1.2	Những bất cập, vướng mắc trong quá trình áp dụng chế định xóa án tích trên thực tiễn	69
3.2.	Một số kiến nghị nhằm khắc phục những bất cập, vướng mắc	75
3.2.1	Hoàn thiện các quy định của Pháp luật hình sự về xóa án tích	75
3.2.2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục	78

pháp luật	
3.2.3 Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	78
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xóa án tích là một chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam. Ở một mức độ nào đó, chế định án tích thể hiện nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam: Nguyên tắc nhân đạo, dân chủ xã hội chủ nghĩa và tôn trọng quyền con người.

Kế thừa và phát triển Bộ luật hình sự 1985, Bộ luật hình sự 1999 là bước phát triển mới trong việc giải quyết vấn đề án tích và xóa án tích trong luật hình sự nước ta. Nhiều quy phạm của chế định xóa án tích đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy định về chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự hiện hành, ở những mức độ khác nhau, bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu của việc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Mặt khác, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức nên một số quy định của pháp luật hình sự, trong đó có các quy định về chế định xóa án tích, còn có những nhận thức không thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

Thời gian qua, việc nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến chế định xóa án tích chưa được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm đúng mức. Cho đến nay, nhiều nội dung của chế định xóa án tích còn có những nhận thức khác nhau. Mặt khác, cùng với sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước, nhiều vấn đề của luật hình sự, trong đó có vấn đề xóa án tích cũng luôn vận động và phát triển đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chế định xóa án tích, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp để tiếp tục hoàn thiện Bộ luật hình sự hiện hành và giải quyết những vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là việc rất cần thiết, không những có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa cả về thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Tất cả những phân tích trên đây là lý do để chúng tôi lựa chọn vấn đề "*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*" làm đề tài nghiên cứu cho Luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Xóa án tích là một trong những vấn đề quan trọng, phong phú và phức tạp của luật hình sự, nên từ trước đến nay nó cũng được một số nhà luật học đề cập đến trong các nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, trong khoa học luật hình sự vấn đề này chưa được chú trọng quan tâm đúng mức.

Từ khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập năm 1945 cho đến trước khi Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta được ban hành năm 1985, chế định xóa án tích chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật hình sự của nước ta. Vấn đề này chỉ được đề cập một cách chính thức trong Bộ luật hình sự năm 1985 và được hoàn thiện trong Bộ luật hình sự năm 1999 bằng việc quy định chế định xóa án tích. Xuất phát từ thực trạng đó của hệ thống pháp luật hình sự, cũng như thực tiễn xóa án tích còn đơn giản, cho nên việc nghiên cứu về chế định xóa án tích trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 được ban hành hầu như không được đề cập. Sau khi Bộ luật hình sự năm 1985 được ban hành đã có những nhà luật học đầu tư nghiên cứu về vấn đề xóa án tích tuy ở các cấp độ chưa cao. Cụ thể là:

- "*Chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999*" của Nguyễn Thị Minh Phương, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân năm 2001.

- "*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*" của Nguyễn Thị Lan, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân năm 2003.

- Chế định xóa án tích trong các giáo trình luật hình sự và các cuốn bình luận khoa học Bộ luật hình sự do các tác giả khác nhau thực hiện.

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra những bàn luận và giải quyết được một số vấn đề mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của các công trình này cũng cho thấy, chế định xóa án tích mặc dù là một trong những chế định cơ bản nhưng cũng là một trong những chế định còn nhiều nội dung chưa đạt đến sự đồng thuận và gây tranh luận sôi nổi trong giới khoa học luật hình sự từ trước đến nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- *Mục đích:*

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của chế định xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam, xác định những bất cập trong thực tiễn để đề xuất những giải pháp tiếp tục hoàn thiện chế định trong thời gian tới và nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta hiện nay.

- *Nhiệm vụ:*

Với mục đích nghiên cứu trên, luận văn tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ sau:

Về mặt lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu sự phát triển của chế định này trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, đồng thời so sánh chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam với chế định xóa án tích trong luật hình sự một số nước, làm sáng tỏ bản chất pháp lý của chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu việc áp dụng các quy phạm pháp luật của chế định xóa án tích trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta.

Trên cơ sở phân tích những thiếu sót, khuyết điểm và những vướng mắc của việc áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến chế định xóa án tích, đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm góp phần tạo sự nhận thức và áp dụng pháp luật được thống nhất.

- Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam. Cụ thể là nghiên cứu các vấn đề như sau: Khái niệm án tích, xóa án tích; điều kiện xóa án tích; thủ tục xóa án tích...

Thực tế nghiên cứu cho thấy rằng, chế định xóa án tích liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau của luật hình sự và luật tố tụng hình sự như: Quyết định hình phạt, hình phạt, thời hạn thi hành án, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt... Việc đề cập đến các vấn đề trên của luật hình sự và luật tố tụng hình sự cũng chỉ nhằm giải quyết một cách có hệ thống và làm rõ hơn chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam dưới góc độ luật hình sự. Đồng thời, cũng đề cập đến một số quy phạm của luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu. Nếu hiểu đúng tinh thần của đề tài thì luận văn sẽ được nghiên cứu trải dài theo suốt chiều dài lịch sử của nước ta kể từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập năm 1945 cho đến nay, nhưng trong giai đoạn từ năm 1945 cho đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 được ban hành, những vấn đề liên quan đến án tích và xóa án tích chưa được đề cập trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta. Do vậy, trên cơ sở tìm hiểu những quy định của pháp luật liên quan đến án tích và xóa án tích, luận văn chủ yếu nghiên cứu chế định xóa án tích từ sau khi chế định được pháp điển hóa lần đầu tiên trong Bộ luật hình sự năm 1985 và tiếp theo là các văn bản dưới luật

hướng dẫn xóa án và Bộ luật hình sự năm 1999. Bên cạnh đó, luận văn còn có sự phân tích, đối chiếu, so sánh với quy định về xóa án tích trong pháp luật hình sự một số nước khác để tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về xóa án tích trong pháp luật hình sự của nước ta. Mặt khác, luận văn cũng không bỏ qua việc hệ thống sơ lược những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam gắn với những quy định về xóa án tích từ năm 1945 đến trước năm 1985.

Đồng thời, luận văn còn nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng về nhà nước, pháp luật, về tội phạm, hình phạt, về con người; những thành tựu của khoa học, triết học, lịch sử, các học thuyết chính trị pháp lý, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật thi hành án, lôgic học.

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp hệ thống, lịch sử, lôgic, phân tích, so sánh, tổng hợp. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả tham khảo ý kiến chuyên gia liên quan đến đề tài.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đây là công trình đầu tiên ở cấp độ luận văn thạc sĩ nghiên cứu toàn diện, có hệ thống vấn đề xóa án tích. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng sau:

Về mặt lý luận: Luận văn này là chương trình nghiên cứu chuyên khảo đề cập riêng đến việc phân tích có hệ thống những nội dung cơ bản của chế

định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam với những đóng góp về mặt khoa học đã nêu trên.

Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn nội dung cơ bản, cơ sở, điều kiện của việc áp dụng xóa án tích đối với người đã bị Tòa án kết án, đã thi hành án hoặc hết thời hạn thi hành án và đã trải qua một thời gian thử thách nhất định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta.

Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, học tập tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành luật ở nước ta.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về xóa án tích.

Chương 2: Chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về xóa án tích và một số kiến nghị.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÓA ÁN TÍCH

1.1. KHÁI NIỆM ÁN TÍCH

1.1.1. Định nghĩa án tích

Nghiên cứu các quy phạm pháp luật hình sự ở nước ta về chế định án tích nói chung và xóa án tích nói riêng cho thấy kể từ khi thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến khi Bộ luật hình sự đầu tiên được Quốc hội thông qua năm 1985, vấn đề án tích chưa được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật hình sự nào. Vì vậy, trên thực tế, vấn đề án tích chưa được đề cập nghiên cứu. Lần đầu tiên, vấn đề án tích được quy định tại khoản 5, Điều 3 và tại các điều từ Điều 52 đến Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1985. Tại các điều luật nói trên của Bộ luật hình sự năm 1985, quy định điều kiện để xóa án và các trường hợp xóa án như: Đương nhiên xóa án, Xóa án theo quyết định của Tòa án, xóa án trong trường hợp đặc biệt. Việc Bộ luật hình sự không đưa ra được khái niệm án tích cụ thể đã gây ra không ít cách hiểu khác nhau trong giới luật học và khái niệm án tích, đặc điểm cũng như bản chất và ý nghĩa của án tích. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng, "Án tích là hậu quả pháp lý của bản án kết tội mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội" [23, tr. 276]. Quan điểm này theo chúng tôi có một số điểm cần sửa đổi bổ sung. *Thứ nhất*, về bản chất mà coi bất kỳ ai bị Tòa án kết án đều phải mang án tích, nhưng không phải ai trong số những người bị Tòa án kết án cũng phải chịu những hậu quả pháp lý nhất định mà chỉ những người phạm tội mới trong thời gian còn mang án tích mới phải chịu những tình tiết định khung tăng nặng hình phạt quy định tại Điều 40 và các điều luật khác phân các tội phạm của Bộ luật hình sự; *thứ hai*, án tích không phải là hậu quả pháp lý mà là điều kiện được quy định trước nhằm thử thách những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt (cả chính và phụ) có trở thành công dân có ích

cho xã hội, là người lương thiện hay không?; thứ ba, nếu hiểu án tích là hậu quả pháp lý của bản án kết tội sẽ gây ra hiểu nhầm rằng, người bị kết án bị coi là có án tích trong cả thời gian chấp hành hình phạt. Trong khi đó, theo quy định của pháp luật hình sự, người bị kết án bị coi là có án tích trong một khoảng thời gian nhất định sau khi đã chấp hành xong hình phạt.

Vấn đề án tích tiếp tục được quy định trong khoản 5 Điều 3 và tại các điều từ Điều 63 đến Điều 67 chương IX Bộ luật hình sự năm 1999. Cũng giống như Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999, cũng không đưa ra được khái niệm án tích mà chỉ quy định về nguyên tắc, các điều kiện để được xóa án tích đối với các trường hợp: Đương nhiên xóa án tích, xóa án tích theo quyết định của Tòa án, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt và cách tính thời hạn để xóa án tích. Do vậy, trong lần pháp điển hóa lần thứ hai này, Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn chưa thể đưa ra một cách hiểu thống nhất trong giới luật học nói chung, cũng như giới nghiên cứu luật nói riêng về vấn đề án tích. Chính vì vậy, sau khi Bộ luật hình sự năm 1999 được thông qua và có hiệu lực trên thực tế, trong giới luật học vẫn còn tồn tại những cách hiểu khác nhau về bản chất của án tích nói chung và về thực chất của xóa án tích nói riêng. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng "Xóa án tích là xóa bỏ bản án hình sự đối với một người đã bị Tòa án kết án" [26, tr. 387]. Quan điểm này, theo chúng tôi, rõ ràng là không chính xác. Vấn đề là ở chỗ, nếu hiểu "xóa án tích là xóa bỏ bản án" thì cũng có thể hiểu án tích là bản án. Trong khi đó, xét về mặt bản chất thì án tích không thể là bản án được. Hơn nữa, người bị kết án bị coi là có án tích sau khi đã chấp hành xong hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với người đó. Thực tế đã chứng minh rằng, bản án kết tội của Tòa án đối với người phạm tội đã được người phạm tội chấp hành xong. Vậy thì không thể nói xóa án tích là xóa bản án kết tội như quan điểm trên được.

Như vậy, vấn đề án tích trong pháp luật hình sự Việt Nam kể từ khi thành lập nước cho đến nay đã được pháp điển hóa trong Bộ luật hình sự năm

1985 bằng chế định xóa án và trong Bộ luật hình sự năm 1999 bằng chế định xóa án tích. Mặc dù vậy, trong cả hai lần pháp điển hóa nói trên, không hiểu vì lý do gì mà các nhà làm luật đã không quy định một cách cụ thể, rõ ràng khái niệm án tích. Trong khi đó, khái niệm án tích là một trong những vấn đề quan trọng của chế định xóa án tích, bởi nó là cơ sở xuất phát để nghiên cứu những vấn đề khác có liên quan. Mặt khác, việc làm sáng tỏ khái niệm đó không những tạo ra một cách hiểu thống nhất trong giới luật học, mà còn giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng đúng đắn, chính xác các quy định của Bộ luật hình sự về việc xóa án tích. Vì vậy, việc nghiên cứu và làm sáng tỏ khái niệm án tích chẳng những có ý nghĩa lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn.

Thực tế nghiên cứu và áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam cho thấy, từ trước đến nay chưa hề xuất hiện một định nghĩa pháp lý về án tích. Tuy nhiên, ở các mức độ khác nhau, trong khoa học luật hình sự Việt Nam và khoa học luật hình sự một số nước trên thế giới cũng có những nghiên cứu và cách hiểu khác nhau về khái niệm án tích.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam có một số quan điểm chủ yếu sau về khái niệm án tích:

1- PGS.TS Phạm Hồng Hải: Án tích là hậu quả pháp lý của bản án kết tội mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội, là một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm và của người phạm tội khi tội phạm được thực hiện trong thời gian người ấy mang án tích [23, tr. 276].

Theo quan điểm của chúng tôi, quan điểm trên của PGS.TS Phạm Hồng Hải có điểm chưa đúng là thực tế không phải mỗi bản án kết tội của Tòa án đều làm phát sinh án tích như trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và thực chất đã miễn hình phạt (điểm 1 Điều 64 Bộ luật hình sự) không làm phát sinh án tích.

2- ThS. Hồ Sỹ Sơn: Án tích là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội; xuất hiện khi người đó đã chấp hành xong hình phạt và được xóa để

trở thành người chưa bị kết án khi người này đáp ứng được những điều kiện mà Bộ luật hình sự quy định hoặc tồn tại một khi người đã bị kết án dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa đáp ứng được những điều kiện được quy định trong Bộ luật hình sự và người đó còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng hình phạt nếu phạm tội trong thời gian mang vết tích đã từng bị kết án (theo Điều 49 Bộ luật hình sự) hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự về những hành vi vi phạm pháp luật mà theo quy định của Bộ luật hình sự, vết tích đã từng bị kết án là yếu tố điều kiện cấu thành tội phạm [28, tr. 65].

Quan điểm trên của ThS. Hồ Sỹ Sơn theo chúng tôi cũng có những điểm cần đưa ra bàn luận. Đó là, *thứ nhất*, án tích không phải xuất hiện khi người đó chấp hành xong hình phạt mà thực tế, thời điểm chấp hành xong hình phạt chỉ được căn cứ để xác định thời hạn để xóa án tích; *thứ hai*, án tích chỉ xuất hiện cùng với thời điểm bản án kết tội có hiệu lực pháp luật. Việc phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt được coi là tái phạm (Điều 49 Bộ luật hình sự); và cuối cùng, việc dùng thuật ngữ "vết tích" là không có ý nghĩa pháp lý.

3- Luật gia Nguyễn Thị Lan: Án tích là một dấu ấn cho thấy, người có án tích đã từng bị kết án vì đã phạm tội [20, tr. 12-13].

Quan điểm của Nguyễn Thị Lan cũng có những điểm hạn chế nhất định. Đó là việc dùng thuật ngữ "dấu ấn" là không chính xác, nó không nêu bật được bản chất pháp lý của vấn đề án tích. Và mặt khác, trên thực tế xét xử cho thấy bị kết án không phải là dấu hiệu chung nhất.

4- PGS.TSKH Lê Cẩm: Án tích là hậu quả pháp lý của việc người bị kết án bị áp dụng hình phạt theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án và là giai đoạn cuối cùng của việc thực hiện trách nhiệm hình sự, được thể hiện trong việc người bị kết án mặc dù đã chấp hành xong bản án (bao gồm hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa án) nhưng vẫn chưa hết án tích hoặc chưa được xóa án tích theo các quy định của pháp luật hình sự [22, tr. 829].

Quan điểm trên của PGS.TSKH Lê Cẩm là chính xác, đầy đủ, thể hiện rõ các dấu hiệu đặc trưng và bản chất pháp lý của án tích. Tuy nhiên, chúng tôi cũng phân vân một vấn đề là liệu án tích có phải là hình thức thực hiện trách nhiệm hình sự hay không? Bởi lẽ, trong trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong bản án (bao gồm hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa án) nhưng hoàn toàn không vi phạm pháp luật thì đối với người này không có hậu quả pháp lý bất lợi nào xảy ra.

Trong khoa học luật hình sự của một số nước trên thế giới hiện nay, có một số quan điểm chủ yếu liên quan đến khái niệm án tích như sau:

1- Điều 87 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996 - Án tích: Người bị kết án về một tội phạm bị coi là người có án kể từ ngày bản án kết tội có hiệu lực pháp luật cho đến khi được xóa án. Theo quy định của Bộ luật này, án tích được tính trong trường hợp tái phạm và khi quyết định hình phạt.

2- GS.TSKH luật Vittenberg G.B: Án tích là tình trạng pháp lý hình sự đối với chủ thể do việc người này bị Tòa án xử phạt một biện pháp hình phạt nào đó về tội phạm đã thực hiện [31, tr. 127-139].

3- GS.TSKH luật Tkatrevxki Iu.M: Án tích là hậu quả pháp lý của chủ thể xuất hiện do sự kiện người này bị kết án một hình phạt nào đó về tội phạm đã thực hiện và kèm theo các hậu quả pháp lý nhất định đối với chính bản thân người này [29, tr. 308-309].

4, GS.TSKH luật Rarôg A.L: Án tích là tình trạng pháp lý đặc biệt của người bị kết án một hình phạt đối với tội đã phạm và tình trạng này được bắt đầu từ khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp diễn cho đến thời điểm hết hoặc xóa án tích [27, tr. 512-516].

Như vậy, xung quanh việc định nghĩa án tích, trong giới nghiên cứu khoa học luật nói chung đã tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên,

theo chúng tôi, để định nghĩa được án tích một cách chính xác nhất thì trong định nghĩa án tích phải được đưa ra cần thể hiện được bản chất pháp lý, điều kiện, nội dung cũng như giới hạn của án tích.

- Về bản chất pháp lý: Án tích là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, là một trong những sự thể hiện của trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện: Án tích chỉ xuất hiện khi: *Thứ nhất*, có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án; *thứ hai*, người bị kết án bị áp dụng hình phạt. Như vậy, với việc đáp ứng được đồng thời cả hai điều kiện này thì quy định tại khoản 1 Điều 64 Bộ luật hình sự là không hợp lý vì khi một người được miễn hình phạt là được xóa án tích ngay và do đó, thực tế án tích không xuất hiện trong trường hợp này.

- Giới hạn của án tích: Án tích chỉ tồn tại trong khoảng thời gian từ khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi được xóa bỏ (có thể là đương nhiên hoặc theo quyết định của Tòa án).

Từ những sự phân tích, nghiên cứu trên đây và tham khảo một số quan điểm khác nhau về án tích, đồng thời, trên cơ sở thực tiễn công tác áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học về án tích như sau:

Án tích là hậu quả pháp lý của việc phạm tội mà người bị kết án phải chịu hình phạt theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật, gánh chịu trong thời hạn nhất định kể từ khi bản án đó có hiệu lực pháp luật cho đến khi hậu quả pháp lý đó được xóa bỏ theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, chế định án tích là một trong những vấn đề chứa đựng nhiều nội dung liên quan đến khoa học luật hình sự nói chung và luật hình sự nói riêng, đòi hỏi cần được nghiên cứu cụ thể, có hệ thống. Bởi vì, đây là vấn đề của pháp luật hình sự thể hiện rõ nét nguyên tắc nhân đạo, dân chủ xã hội chủ nghĩa và tôn trọng quyền con người. Đồng thời, nó còn thể hiện được một

phần của chính sách hình sự của nhà nước ta, đó là chính sách nhân đạo thông qua việc quy định điều kiện, thời gian thử thách đối với người phạm tội để họ được coi là người chưa bị kết án. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có thái độ nghiêm khắc đối với những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt mà lại phạm tội mới trong thời gian mang án tích - tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Trong trường hợp này, án tích sẽ được coi như một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm, cũng như tính chất nguy hiểm của người phạm tội. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, việc một người mang án tích lại phạm tội mới thì án tích được coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt hoặc định tội (Điều 48, Điều 49 và các điều thuộc phần các tội phạm của Bộ luật hình sự 1999). Đồng thời, trong một số trường hợp việc một người mang án tích lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì án tích được coi là yếu tố, điều kiện cấu thành tội phạm. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 138 - Tội trộm cắp tài sản: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 500.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị..." [7]. Chúng ta cũng cần phải lưu ý rằng, trong Bộ luật hình sự năm 1999, các nhà làm luật coi án tích (chưa được xóa án tích) như là một trong những yếu tố cơ bản của cấu thành tội phạm. Qua đây, chúng ta cũng cần khẳng định rằng án tích không tự nó làm phát sinh những hậu quả pháp lý bởi vì nó chỉ là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội. Người phạm tội chỉ phải gánh chịu những hậu quả pháp lý nhất định khi vi phạm nghiêm trọng những điều kiện thử thách: Phạm tội mới, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ... trong thời gian chưa được xóa án tích.

1.1.2. Các dấu hiệu của án tích

Trên cơ sở nghiên cứu một cách rõ ràng, cụ thể khái niệm án tích, chúng ta có thể chỉ ra một số dấu hiệu cơ bản của án tích như sau:

- Án tích là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, được áp dụng đối với người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án, không có tội phạm thì không có án tích, chỉ người phạm tội mới chịu án tích;

- Án tích chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định:

+ Đó là thời gian thử thách đối với người bị kết án đã chấp hành xong bản án;

+ Thời hạn đó được xác định tùy theo hình phạt mà người đó phải chấp hành;

+ Thời hạn đó được bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi được xóa bỏ theo quy định của pháp luật: Hết thời hạn theo quy định của pháp luật trong trường hợp đương nhiên xóa án; hoặc đến khi Tòa án quyết định xóa án tích trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án.

- Án tích là "thành quả cuối cùng" đòi hỏi người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án phải đạt được trong việc thực hiện trách nhiệm hình sự vì nếu người bị kết án đã chấp hành xong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng khi chưa hết án tích hoặc chưa được xóa án tích, theo quy định của pháp luật hình sự thì vẫn còn trách nhiệm hình sự;

- Án tích có ý nghĩa pháp lý hình sự đối với người bị kết án khi người này phạm tội mới, vì theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, thì án tích là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (theo điểm g, khoản 1 Điều 48) khi người bị kết án bị coi là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm (Điều 49); một trong những tình tiết định tội của một số cấu thành tội phạm trong phần riêng.

Thực tế nghiên cứu cho thấy, xét về mặt bản chất thì việc quy định những hậu quả pháp lý mà người mang án tích phải chịu do thực hiện tội phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian mang án tích không

nhằm trả thù người đã bị kết án, mà sự quy định này chính là nhằm mục đích tạo điều kiện cho người đó tự hoàn lương và thấy được giá trị của việc chấp hành nghiêm chỉnh những điều kiện để được xóa án tích, để được coi là người lương thiện. Rõ ràng, án tích không phải là biện pháp mang tính chất trừng trị, mà ngược lại, nó lại là biện pháp nhằm khuyến khích người bị kết án từ bỏ hẳn quá khứ tội lỗi của mình để được coi là chưa từng bị kết án.

1.2. KHÁI NIỆM XÓA ÁN TÍCH

1.2.1. Định nghĩa

Trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích, việc xác định một người bị kết án trong vụ án hình sự đã được xóa án tích hay chưa có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu người bị kết án đã được xóa án tích thì khi người đó phạm tội mới sẽ không bị tính là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm hay tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, việc đã được xóa án tích hay chưa còn có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định một người là có tội hay không có tội. Mặt khác, trong lý lịch tư pháp của người đã bị kết án có mục xác nhận có hay không có tiền án. Việc ghi có tiền án hay không có tiền án trong việc giải quyết các vấn đề về xã hội như: Đăng ký kinh doanh, đi lao động hay học tập ở nước ngoài... có ý nghĩa rất lớn đối với một người. Với những ý nghĩa quan trọng của việc xóa án tích đối với người bị kết án, cho thấy việc nghiên cứu cụ thể, rõ ràng và có hệ thống về xóa án tích là cần thiết và có ý nghĩa lý luận, cũng như trong công tác thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về xóa án tích.

Từ trước đến nay, xung quanh vấn đề khái niệm xóa án tích, trong khoa học luật hình sự cũng còn nhiều quan điểm khác nhau:

Theo PGS.TS Trần Đình Nhã thì Xóa án tích là sự thừa nhận về mặt pháp lý người bị kết án không còn mang án tích và vì vậy không còn chịu hậu quả nào do việc kết án mang lại [25, tr. 222].

Quan điểm trên của PGS.TS Trần Đình Nhã sẽ được hiểu theo khía cạnh xóa án tích đương nhiên được hưởng. Theo chúng tôi nếu hiểu như vậy sẽ không chính xác, khái niệm trên chưa thể hiện được khía cạnh tổ tụng của việc xóa án tích vì trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì người phạm tội sẽ không thể đương nhiên được hưởng mà phải do Tòa án xem xét quyết định.

ThS. Đinh Văn Quế cho rằng Xóa án tích là xóa bỏ bản án hình sự đối với một người đã bị Tòa án kết án là sự thể hiện tính nhân đạo trong luật hình sự nước ta..., là để cho người bị kết án không mặc cảm tội lỗi của mình, tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng [26, tr. 387].

Quan điểm trên của ThS. Đinh Văn Quế cũng có điểm chưa hợp lý vì xét về mặt bản chất, án tích không phải là bản án hình sự và do vậy, xóa án tích không thể là xóa bỏ bản án hình sự được.

ThS. Phạm Thị Học quan niệm xóa án tích được hiểu là xóa bỏ việc mang án tích thể hiện ở sự công nhận coi như chưa bị kết án đối với người trước đó đã bị Tòa án xét xử, kết tội [24, tr. 238].

Quan niệm trên của ThS. Phạm Thị Học theo chúng tôi là không chặt chẽ về mặt logic, học thuật "Xóa án tích được hiểu là xóa bỏ việc mang án tích thể hiện ở sự công nhận coi như chưa bị kết án...".

Còn theo PGS.TSKH Lê Cẩm: Xóa án tích là việc chấm dứt trách nhiệm hình sự của người bị kết án do người đó được xóa án tích theo các quy định của pháp luật hình sự, trên cơ sở có sự xem xét và quyết định riêng của Tòa án công nhận là chưa bị kết án [22, tr. 820-830].

So với các quan điểm được phân tích ở trên thì quan điểm của PGS.TSKH Lê Cẩm về xóa án tích là chính xác hơn cả. Mặc dù còn có điểm chưa phù hợp là dùng thuật ngữ xóa án tích để định nghĩa xóa án tích. Chính điều này chưa giúp cho người đọc dễ hiểu khi nghiên cứu về vấn đề xóa án tích.

Từ những quan điểm trên đây trong khoa học luật hình sự về định nghĩa xóa án tích, đồng thời trên cơ sở nghiên cứu những hướng dẫn thống nhất có tính chất chỉ đạo của thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, chúng tôi nhận thấy rằng, định nghĩa xóa án tích phải xuất phát từ:

- Định nghĩa án tích;
- Bản chất pháp lý của xóa án tích;
- Hậu quả của việc xóa án tích;
- Thủ tục tổ tụng của xóa án tích.

Với những xuất phát điểm nghiên cứu trên, với định nghĩa xóa án tích chúng ta có thể khẳng định rằng:

- Bản chất pháp lý của xóa án tích là xóa bỏ hậu quả pháp lý, trách nhiệm hình sự đối với người bị kết án và phải chịu hình phạt theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Theo PGS.TSKH Lê Cẩm thì bản chất pháp lý của chế định án tích:

Án tích là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện trong việc hủy bỏ hậu quả pháp lý hình sự đối với người bị kết án, tức là chấm dứt hoàn toàn trách nhiệm hình sự của người đó, khi người đó đáp ứng được đầy đủ những điều kiện để được đương nhiên hết án tích hoặc được Tòa án xóa án tích theo các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 [22, tr. 831].

- Thủ tục xóa án tích được thực hiện khi có đủ các điều kiện do pháp luật quy định: Chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án, không phạm tội mới trong thời hạn luật định...

- Hậu quả của việc xóa án tích là người được xóa án tích coi như chưa bị kết án.

Với sự phân tích trên, dưới góc độ nghiên cứu khoa học, chúng ta có thể đưa ra khái niệm xóa án tích như sau:

Xóa án tích là chế định của luật hình sự Việt Nam thể hiện ở việc xóa bỏ hậu quả pháp lý, xóa bỏ trách nhiệm hình sự đối với người bị kết án và phải chịu hình phạt theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khi có đủ các điều kiện của pháp luật quy định và người đó được coi như chưa bị kết án.

Như vậy, cơ sở pháp lý để thực hiện việc xóa án tích cho người phạm tội là các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Xóa án tích được coi như là một trong những nguyên tắc xử lý của luật hình sự Việt Nam. Mục đích của xóa án tích là nhằm xóa bỏ đi sự mặc cảm của người bị kết án, động viên họ trở về cuộc sống lương thiện. Ngoài ra, xóa án tích còn có tác dụng hỗ trợ cho công tác cải tạo, giáo dục người đang chấp hành hình phạt tin tưởng vào tương lai, vào sự công bằng của xã hội đối với họ.

1.2.2. Điều kiện để được xóa án tích

Để khuyến khích người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng và rèn luyện tốt sau khi chấp hành xong hình phạt, chế định xóa án được quy định tại các điều từ Điều 53 đến Điều 57 Bộ luật hình sự năm 1985 và được sửa đổi bổ sung trong Bộ luật hình sự năm 1999 bằng chế định xóa án tích từ Điều 63 đến Điều 67. Theo các quy định này, việc xóa án tích đối với người đã chấp hành xong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án được thực hiện bằng một trong hai cách sau: Đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Người được xóa án tích coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận xóa án tích.

Theo các quy định hiện hành của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, để được xóa án tích, người bị kết án phải đáp ứng được đồng thời hai điều kiện, đó là điều kiện về nội dung và điều kiện về thời gian.

Về điều kiện nội dung, *thứ nhất*, người bị kết án phải chấp hành xong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung (phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí...). Tuy nhiên, theo quy định của điểm 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 thì trong trường hợp người bị kết án được miễn hình phạt thì không đòi hỏi điều kiện này, mà chỉ cần điều kiện người bị kết án đó được Tòa án miễn hình phạt là đủ;

Thứ hai, hết thời hiệu thi hành án;

Thứ ba, người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án, đã chấp hành xong bản án hoặc đã hết thời hiệu thi hành bản án không phạm tội mới trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Thời hạn đó có thể là một năm, ba năm, năm năm hoặc bảy năm tùy thuộc vào loại hình phạt mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội.

Điều kiện về mặt thời gian thì việc xóa án tích chỉ được thực hiện khi người đó không phạm tội mới trong thời hạn quy định:

- Trong trường hợp đương nhiên xóa án tích: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn do Bộ luật hình sự quy định;

- Trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Tòa án ra quyết định xóa án tích. Tòa án chỉ xem xét quyết định việc xóa án tích sau một thời hạn xác định theo quy định của Bộ luật hình sự.

Thời hạn đương nhiên xóa án tích và thời hạn để Tòa án xem xét, quyết định xóa án tích có thể được rút ngắn trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật hình sự.

Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, chúng ta có thể đưa ra những điều kiện cụ thể mà người bị kết án đã đáp ứng được sẽ được xem xét xóa án tích như sau:

1- Đối với người bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, tù có thời hạn được đương nhiên xóa án tích thì những điều kiện để được xóa án tích là:

a) Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung (cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, tịch thu tài sản...) và các quyết định khác của Tòa án(bồi thường thiệt hại, án phí...);

b) Sau khi đã chấp hành xong bản án, người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn do pháp luật quy định.

- Tội mới phải được xác định bằng một bản án hình sự có hiệu lực pháp luật. Nếu người đã bị kết án đang bị truy tố về tội mới, thì phải đợi vụ án được xử lý xong mà người bị truy tố không bị kết tội thì mới được xem xét xóa án tích.

- Thời hạn để xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính được tuyên trong bản án có hiệu lực pháp luật nhưng nếu cấp Giám đốc thẩm đã giảm nhẹ hình phạt thì căn cứ vào quyết định của cấp Giám đốc thẩm. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên bị kết án là một nửa thời hạn quy định đối với người thành niên (Điều 77 Bộ luật hình sự).

- Trong trường hợp đặc biệt, người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị thì Tòa án có thể xóa án tích nếu người đó đảm bảo được từ một phần ba đến một phần hai thời hạn xóa án tích nói trên (Điều 66).

2- Riêng đối với những trường hợp xóa án tích phải do Tòa án quyết định, thì ngoài những điều kiện nói ở điểm 2, người bị kết án còn phải có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách và tích cực lao động cải tạo ở địa phương. Tuy nhiên, chỉ coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật là những trường hợp đã bị xử phạt hành chính về những hành

vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà không chịu sửa chữa. Đối với những trường hợp chỉ là việc vi phạm nhỏ nhất thì không nên căn cứ vào đó mà không cho xóa án tích.

1.2.3. Thủ tục xóa án tích

Khi đáp ứng được đầy đủ những điều kiện về xóa án tích, người được xóa án tích cũng phải tuân theo những trình tự, thủ tục nhất định về xóa án tích theo quy định của pháp luật hình sự.

* Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích, thủ tục được quy định như sau:

- Khi đã có đủ những điều kiện quy định tại các Điều 64 và Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999, thì người đã bị kết án được đương nhiên xóa án tích tức là được coi như chưa can án. Tòa án không phải cấp giấy chứng nhận cho tất cả những người được đương nhiên xóa án tích mà chỉ cấp giấy chứng nhận khi những người được xóa án tích yêu cầu.

- Người muốn được cấp giấy chứng nhận xóa án tích phải nộp đơn xin xóa án tích tại Tòa án đã xử sơ thẩm. Kèm theo đơn là những giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi họ thường trú là họ đã không phạm tội mới trong thời gian mà pháp luật đã quy định để được xóa án tích.

b) Trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, phạt tù, thì tùy từng trường hợp, phải có giấy tha sau khi đã hết thời hạn tù; giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị kỷ luật của quân đội nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cải tạo tại đơn vị quân đội; quyết định của Tòa án giảm thời gian chấp hành hình phạt.

Nếu người bị kết án còn bị hình phạt bổ sung thì tùy từng trường hợp phải có những giấy tờ sau: Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú; Biên lai nộp tiền phạt...

c) Nếu bản án có quyết định về bồi thường thiệt hại thì người bị kết án phải nộp những giấy tờ chứng minh đã bồi thường xong.

d) Biên lai nộp án phí.

- Chánh án tòa án ký giấy chứng nhận xóa án tích và nếu cần thì phải tiến hành những biện pháp xác minh.

Giấy chứng nhận xóa án tích được cấp cho người đã được xóa án tích và sao gửi cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú.

Nếu xét thấy người bị kết án chưa đủ điều kiện để được xóa án tích thì Chánh án tòa án trả lời cho người đó biết.

- Người được cấp giấy chứng nhận xóa án tích phải nộp lệ phí là 10.000 đồng.

* Đối với trường hợp xóa án tích do Tòa án quyết định thì thủ tục được quy định như sau:

- Việc xóa án tích do Tòa án quyết định được áp dụng đối với những trường hợp quy định tại Điều 65, 66 và Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999. Nếu người bị kết án có nhiều tiền án thì chỉ được xóa án tích khi họ đã chấp hành xong tất cả các bản án và phải có đầy đủ điều kiện về thời gian không phạm tội mới đối với tất cả các bản án.

- Người muốn xin xóa án tích phải làm đơn gửi cho Tòa án đã xử sơ thẩm và kèm theo đơn phải có những giấy tờ chứng minh họ có đủ những điều kiện xóa án tích. Đồng thời cũng phải có giấy chứng nhận của Ủy ban

nhân dân xã, phường nơi họ thường trú về thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động của họ ở địa phương.

- Chánh án kiểm tra những điều kiện được xóa án tích và nếu cần thì tiến hành những biện pháp xác minh. Nếu hồ sơ đầy đủ thì chánh án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về người bị kết án có đủ điều kiện được xóa án tích hay không. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện trưởng Viện kiểm sát phải phát biểu ý kiến và gửi trả hồ sơ cho Tòa án. Chánh án ra quyết định xóa án tích hoặc bác đơn xin xóa án tích. Quyết định xóa án tích phải gửi cho người bị kết án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người được xóa án tích thường trú. Trường hợp bác đơn xin xóa án tích thì phải nói rõ lý do.

- Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với quyết định xóa án tích. Nếu quyết định của Chánh án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có sai lầm thì có thể bị kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm.

- Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích. Nếu bị bác đơn lần thứ hai thì phải sau hai năm mới lại được xin xóa án tích. Những lần sau xin xóa án tích thì người đã bị kết án chỉ cần nộp thêm những giấy tờ chứng minh đã khắc phục những thiếu sót trước đây đã là nguyên nhân làm cho họ chưa được xóa án tích.

- Người xin xóa án tích do Tòa án quyết định phải nộp lệ phí là 10.000 đồng khi nộp đơn xin xóa án tích.

* Đối với trường hợp xóa án tích khi hết thời hiệu thi hành án và trường hợp không có khả năng chấp hành án về phạt tiền, bồi thường, án phí:

a) Xóa án tích trong trường hợp hết thời hiệu thi hành án:

Nếu người bị kết án chưa chấp hành án mà hết thời hiệu thi hành án quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999 mà họ không phạm tội mới

trong thời gian quy định tại các Điều 64, 65, 66, và Điều 77 thì cũng được đương nhiên xóa án tích hoặc xóa án tích do Tòa án quyết định. Tuy nhiên, nếu họ chỉ được tạm hoãn thi hành án hoặc đã trốn tránh việc thi hành án thì không được hưởng thời hiệu về thi hành án.

b) Xóa án tích trong trường hợp không có khả năng chấp hành án về phạt tiền, bồi thường, án phí:

Trong thực tế, có một số người chỉ có khả năng chấp hành một phần hoặc hoàn toàn không có khả năng chấp hành án về phạt tiền, về bồi thường, về án phí. Vì vậy, nếu họ đã không phạm tội mới trong thời hạn pháp luật quy định thì Tòa án có thể xóa án tích nếu họ đã được tạm hoãn thi hành án về những khoản đó mà nay họ cũng không có khả năng chấp hành án. Trong những trường hợp này, người xin xóa án tích phải xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã nơi mình đang làm việc là họ không có khả năng về kinh tế để chấp hành được bản án và việc xóa án tích cho họ được giải quyết như sau:

- Nếu người bị hại là tư nhân đồng ý không đòi bồi thường nữa, thì Tòa án ra quyết định xóa án tích trong đó xác nhận ý kiến của người bị hại không đòi bồi thường nữa; nếu người bị hại vẫn đòi bồi thường thì chưa được xóa án tích.

- Nếu là tiền phạt, tiền bồi thường hoặc án phí phải nộp cho Nhà nước thì trước khi quyết định xóa án tích phải xem xét và quyết định việc miễn chấp hành tiền phạt, tiền bồi thường hoặc tiền án phí cho người bị kết án nếu bản án đã có hiệu lực pháp luật được mười năm. Sau đó mới xem xét và quyết định việc xóa án tích. Nếu chưa hết hạn đó thì chưa được xóa án tích.

1.2.4. Ý nghĩa chính trị, pháp lý của việc xóa án tích

Xuất phát từ tính chất nhân đạo, tôn trọng quyền con người của chính sách hình sự nói chung và của việc xóa án tích nói riêng, việc xóa án tích đối

với người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án có ý nghĩa chính trị - xã hội, pháp lý rất quan trọng. Điều này được thể hiện như sau:

Việc xóa án tích cho người phạm tội mang tính phòng ngừa tội phạm cao, điều này được thể hiện qua việc quy định: "Người được xóa án tích coi như chưa can án". Vì vậy, sau khi được cấp giấy chứng nhận xóa án tích hoặc sau khi Tòa án ra quyết định xóa án tích thì trong những giấy tờ về căn cước, lý lịch tư pháp cấp cho họ phải ghi rõ "chưa can án". Người đã được xóa án tích mà sau lại phạm tội mới thì không được căn cứ vào những tiền án đã được xóa án tích mà coi như là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Thông qua việc quy định về xóa án tích, đã góp phần động viên người bị kết án tích cực cải tạo, học tập, lao động và ngăn ngừa họ phạm tội mới để nhanh chóng trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Còn đối với gia đình, họ hàng thân thích của người được xóa án tích, họ cũng sẽ không bị mang tiếng xấu là có người trong gia đình phạm tội.

Về mặt thực tiễn, nếu Tòa án áp dụng đúng đắn và chính xác trong thực tiễn các quy phạm của chế định xóa án tích sẽ đưa đến một loạt các lợi ích xã hội, đó là việc tăng cường pháp chế và củng cố trật tự pháp luật, bảo vệ vững chắc các quyền và tự do của con người; nâng cao uy tín của Tòa án, làm tăng thêm lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào tính công minh và sức mạnh của pháp luật [22, tr. 823].

Về mặt chính trị - pháp lý: Với chế định xóa án tích, một mặt góp phần đảm bảo cho việc thực hiện nhất quán nguyên tắc công bằng, mặt khác phản ánh nguyên tắc nhân đạo, tôn trọng quyền con người của pháp luật hình sự. Vì pháp luật cần thiết phải quy định các chế tài để nghiêm trị và răn đe người phạm tội, nhưng không thể thiếu tính nhân đạo; xã hội muốn có công bằng và nhân đạo phải là xã hội có một hệ thống pháp luật vì con người; xã hội không thể ổn định và phát triển được nếu như pháp luật không vì con người, nhưng nếu pháp luật không mở lối hoàn lương của người bị kết án thì vô hình chung, pháp luật đã bị phản tác dụng [22, tr. 823].

Quan điểm trên của PGS.TSKH Lê Cẩm đã thể hiện đầy đủ ý nghĩa thực tiễn cũng như ý nghĩa chính trị pháp lý của việc xóa án tích.

1.3. XÓA ÁN TÍCH THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC

Bên cạnh việc nghiên cứu chế định xóa án tích theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, chúng ta cũng cần phải quan tâm xem xét, nghiên cứu chế định này theo quy định của pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới. Trên cơ sở nghiên cứu này, chúng ta có thể so sánh, đối chiếu giữa các quy định của pháp luật hình sự nước ta với các quy định của pháp luật hình sự các nước lân cận về chế định này. Qua đó, chúng ta cũng nhận thấy được những sự kế thừa và phát triển của pháp luật hình sự nước ta so với pháp luật hình sự của các nước được đề cập nghiên cứu.

1.3.1. Xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga (01/03/1996)

Theo quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, chế định xóa án tích được quy định tại Điều 87 - án tích. Cũng giống như các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, khi quy định về xóa án tích, các nhà làm luật của Liên bang Nga cũng chưa đưa ra được một khái niệm cụ thể về án tích cũng như khái niệm xóa án tích trong Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 87 quy định: "Người bị kết án về một tội phạm bị coi là người có án kể từ ngày bản án bản án kết tội có hiệu lực pháp luật cho đến khi được xóa án. Theo quy định của Bộ luật này, án tích được tính trong trường hợp tái phạm và khi quyết định hình phạt" [2].

Nếu như theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, người được miễn hình phạt là người đương nhiên được xóa án tích, thì tại khoản 2 Điều 87 Bộ luật hình sự Liên Bang Nga năm 1996: "Người được miễn hình phạt là người không có án tích". Về cơ bản, quy định trong trường hợp này trong hai Bộ luật hình sự có những nét tương đồng nhất định. Theo tinh thần chung của điều luật, thì người được miễn hình phạt là người không có án và do vậy đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, theo chúng tôi, mặc dù hậu quả pháp lý của các quy định này là giống nhau, nhưng cách thể hiện của Bộ luật hình sự Liên bang Nga là hợp lý, chính xác hơn.

Khác với Bộ luật hình sự năm 1999 của Việt Nam, Bộ luật hình sự của Liên bang Nga 1996 quy định chỉ một hình thức xóa án tích chung nhất là đương nhiên xóa án tích. Khoản 3 Điều 87 quy định:

Án tích được xóa:

a, Đối với người bị án treo - Sau khi hết thời hạn thử thách;

b, Đối với người bị kết án với những hình phạt nhẹ hơn hạn chế tự do - Sau một năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt;

c, Đối với người bị kết án hạn chế tự do hoặc phạt tù về tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng - Sau hai năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt;

d, Đối với người bị kết án tù về tội rất nghiêm trọng - Sau bốn năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt;

đ, Đối với người bị kết án tù về tội đặc biệt nghiêm trọng - Sau sáu năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt [2].

Theo quy định trên, về cơ bản là tương đồng với quy định tại khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 - Đương nhiên xóa án tích. Nếu đem so sánh giữa hai quy định trong hai Bộ luật thì chúng ta thấy được rằng, nếu Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 quy định người bị kết án sẽ đương nhiên được xóa án tích khi không phạm tội quy định tại chương XI - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia và chương XXIV - Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không phạm tội mới trong thời gian là 1, 3, 5 và 7 năm, thì Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996 quy định các khoảng thời gian tương ứng là 1, 2, 4 và 6 năm. Quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga dường như không có sự phân biệt loại tội phạm nào, mà đó là quy định cho tất cả các loại tội phạm nói chung và căn cứ vào việc phân loại tội phạm và hình phạt (tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và

đặc biệt nghiêm trọng). Và cũng bằng phép so sánh thông thường nhất, chúng ta cũng nhận thấy được về thời hạn để được xem xét xóa án tích sau khi chấp hành xong bản án kết tội của Tòa án theo quy định tại Bộ luật hình sự 1999 dài hơn so với quy định tại Bộ luật hình sự của Liên bang Nga.

Đồng thời, xuất phát từ thực tế đặt ra, khoản 4 Điều 87 quy định: "Nếu người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt còn lại hoặc phần hình phạt còn lại được thay bằng hình phạt nhẹ hơn, thì căn cứ vào hình phạt thực tế đã chấp hành, thời hạn xóa án tích được tính từ thời điểm được miễn chấp hành hình phạt chính và hình phạt bổ sung" [2].

Quy định này rất phù hợp với thực tế, vì trong quá trình chấp hành hình phạt vì những lý do khách quan (ốm đau, bệnh tật...) mà người bị kết án không thể chấp hành tiếp hình phạt mà Tòa án tuyên, theo quy định của pháp luật họ được miễn chấp hành hình phạt còn lại hoặc được thay thế bằng hình phạt nhẹ hơn, do vậy cũng cần quy định xóa án tích đối với trường hợp này. Đáng tiếc rằng, Bộ luật hình năm 1999 của nước ta chưa có quy định đối với trường hợp này mặc dù Bộ luật hình sự của nước ta có hiệu lực sau Bộ luật hình sự của Liên bang Nga.

Về quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt thì cả hai bộ luật có quy định tương tự nhau. Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt về thời hạn chấp hành án, đó là nếu như Bộ luật hình sự của Việt Nam quy định khoảng thời hạn chấp hành án để được xem xét xóa án tích trước thời hạn là một phần ba thì thời hạn đó theo quy định của Bộ luật hình sự Liên Bang Nga là một phần hai: "Nếu sau khi chấp hành xong hình phạt, người bị kết án có nhiều tiến bộ, tư cách đạo đức tốt thì theo yêu cầu của họ, Tòa án có thể xóa án trước thời hạn quy định nhưng không được sớm hơn một nửa thời hạn đó" [2].

Tóm lại, qua việc nghiên cứu, so sánh, đối chiếu giữa quy định về xóa án tích trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, chúng ta thấy được về cơ bản quy định về xóa án tích trong hai Bộ luật là tương đồng nhau, đều thể hiện được bản chất cơ bản của

xóa án tích. Nhưng cũng có những điểm khác nhau về phạm vi án tích, thời hạn án tích cũng như hình thức xóa án tích.

1.3.2. Xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự Nhật Bản

Cũng giống như Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, Bộ luật hình sự Nhật bản khi quy định về xóa án tích cũng không đưa ra khái niệm cụ thể về án tích hay xóa án tích. Tại Điều 34.2 - Hết hiệu lực của việc xử phạt, quy định:

1. Khi đã qua mười năm kể từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt tù không có lao động bắt buộc hoặc hình phạt nặng hơn, hoặc đã được miễn chấp hành hình phạt đó mà không bị kết án phạt tiền hoặc hình phạt nặng hơn về tội khác thì việc kết án hết hiệu lực. Cũng áp dụng tương tự như vậy khi đã qua năm năm kể từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt tiền hoặc hình phạt nhẹ hơn, hoặc đã được miễn chấp hành hình phạt đó mà không bị kết án phạt tiền hoặc hình phạt nặng hơn về tội khác.

2. Trong trường hợp một người đã bị tuyên bố có tội nhưng được miễn hình phạt và không bị kết án phạt tiền hoặc hình phạt nặng hơn về tội khác trong vòng hai năm kể từ khi việc tuyên bố đó có hiệu lực pháp luật thì việc tuyên bố người đó có tội hết hiệu lực [3].

Theo quy định trên, chúng tôi thấy rằng:

- *Thứ nhất*, Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định án tích trong các trường hợp người bị kết án bị áp dụng hình phạt và đã thi hành xong hoặc được miễn chấp hành hình phạt đó. Án tích không có khi người phạm tội được miễn hình phạt.

- *Thứ hai*, khác với điều kiện để án tích bị dừng không phải do phạm tội mới, mà phải là do bị kết án về tội phạm mới và bị áp dụng hình phạt tương đương hoặc nặng hơn. Điều này xuất phát từ việc nghiên cứu nguyên tắc "*một người chỉ bị coi là có tội khi có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án*".

Như vậy, tuy người bị kết án phạm tội mới nhưng tội phạm đó chưa bị kết án hoặc bị kết án và xử phạt nhẹ hơn hình phạt đối với tội phạm trước đó thì thời hạn để tính xóa án tích vẫn tiếp tục.

- Thứ ba, theo tinh thần của điều luật thì theo Bộ luật hình sự Nhật Bản chỉ có một hình thức xóa án tích duy nhất là đương nhiên xóa án tích.

1.3.3. Xóa án tích theo Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có quy định riêng về xóa án tích. Một số vấn đề về án tích có thể được rút ra từ chế định tái phạm được quy định tại các Điều 65, Điều 66 mục 2 chương IV của phần chung Bộ luật hình sự.

Theo Điều 65 Bộ luật hình sự thì người bị kết án ít nhất là phạt tù có thời hạn mà phạm tội mới và có thể bị phạt tù có thời hạn trở lên trong thời hạn năm năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc đặc xá thì được coi là tái phạm và phải chịu hình phạt nặng hơn về tội mới. Trong trường hợp này, tái phạm về tội phạm do vô ý được loại trừ.

Điều 66 Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia mà lại phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia vào bất kỳ thời gian nào sau khi chấp hành xong hình phạt hoặc được đặc xá đều bị coi là tái phạm. Như vậy, có thể nói đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, án tích sẽ tồn tại suốt đời đối với người phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia.

Như vậy, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không đặt ra vấn đề xóa án tích riêng và vì vậy không có thủ tục xóa án tích. Vấn đề này chỉ được xem xét khi người bị kết án phạm tội mới.

Khi giải quyết vấn đề này, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có sự phân hóa rất lớn: Tội vô ý, tội bị xử lý bằng các hình phạt không phải là tù không phát sinh án tích; chỉ tội bị xử phạt tù mới được coi là

có án tích trong thời hạn năm năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù hoặc được đặc xá; đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, án tích sẽ tồn tại vĩnh viễn nếu người bị kết án lại phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia.

1.3.4. Xóa án tích theo Bộ luật hình sự Thái Lan

Cũng như Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Bộ luật hình sự Thái Lan không có quy định riêng về án tích cũng như xóa án tích. Án tích được thể hiện một phần trong các quy định tại các Điều 92 đến Điều 94 chương VIII Bộ luật hình sự về tái phạm.

Điều 92 Bộ luật hình sự Thái Lan quy định về tái phạm chuyên biệt đối với trường hợp khi một người đang chấp hành hoặc trong thời hạn năm năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt về tội trước mà phạm tội mới và Tòa án xử phạt tù về tội mới thì hình phạt đối với tội mới là tăng thêm một phần ba.

Điều 93 Bộ luật hình sự Thái Lan quy định về tái phạm chuyên biệt đối với trường hợp khi một người đang chấp hành hình phạt hoặc trong thời hạn ba năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt về tội phạm trước mà phạm tội mới cùng tính chất với tội cũ và hình phạt đối với tội cũ không thấp hơn sáu tháng tù thì hình phạt đối với tội mới sẽ tăng thêm một phần hai trong những trường hợp luật định.

Điều 94 Bộ luật hình sự Thái Lan quy định tội phạm do vô ý, tội ít nghiêm trọng và tội do người dưới mười bảy tuổi thực hiện, dù đó là tội phạm được thực hiện trước hay tội phạm được thực hiện sau đều tính là tái phạm để tăng nặng hình phạt theo quy định của chương này.

Như vậy, Bộ luật hình sự Thái Lan không đặt ra vấn đề xóa án tích. Nó chỉ được xem xét quyết định khi người đó phạm tội mới. Và chỉ tái phạm để tăng nặng hình phạt khi các tội được thực hiện là tội cố ý, tội phạm nghiêm trọng và bị xử phạt tù.

Chương 2

CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI BAN HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1985

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay, cùng với việc hình thành và phát triển của Nhà nước, hệ thống pháp luật về hình sự nói chung và chế định xóa án tích nói riêng cũng được hình thành và trải qua các bước phát triển khác nhau phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn cách mạng đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

Ngày 02/09/1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, cùng với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà nước ta đã chú trọng đến việc xây dựng hệ thống pháp luật nhằm quản lý, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng cũng như bảo vệ chính quyền nhân dân còn non trẻ. Ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh 47-SL cho phép áp dụng tạm thời các luật lệ hiện hành của thực dân Pháp nếu xét thấy không trái với những mục tiêu cơ bản của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tiếp theo là Sắc lệnh 13/SL do Bộ trưởng Bộ tư pháp ký ngày 24/01/1946 về tổ chức và ngạch thẩm phán của nước ta.

Ngoài ra, có một số văn bản hướng dẫn đường lối xử lý những vụ hành hung cán bộ trong khi làm nhiệm vụ, như Báo cáo tổng kết ngành Tòa án nhân dân năm 1973...

Nhưng chủ yếu, các văn bản trên được ban hành với mục đích bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, nên về tích chất, khách thể bảo vệ có khác. Đối tượng xâm hại là như nhau, nhưng tính chất vụ việc và khách thể cho đến nay là khác nhau.

2.2. CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1985

Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, những vấn đề liên quan đến án tích và xóa án được pháp điển hóa trong Bộ luật hình sự năm 1985 từ Điều 52 đến Điều 56 và Điều 67. Sau khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực trên thực tế, để giúp cho việc áp dụng những quy định về xóa án, nhằm tránh những vướng mắc không đáng có, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành các thông tư, nghị quyết... hướng dẫn thi hành. Ngày 01/08/1986, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ phối hợp ban hành Thông tư liên ngành số 02 hướng dẫn thi hành việc xóa án và sau đó là Thông tư 03 hướng dẫn bổ sung về việc xóa án ngày 15/07/1989. Tiếp theo đó, ngày 05/07/1990, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 140/NCPL hướng dẫn việc xóa án đối với người được hưởng án treo. Bên cạnh đó, vấn đề lệ phí xóa án cũng được quy định trong Thông tư số 02/NCPL ngày 28/04/1989 của Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, tuy là lần đầu tiên được pháp điển hóa, nhưng những vấn đề liên quan đến xóa án đã được quy định và hướng dẫn khá chi tiết, cụ thể. Sở dĩ có sự quy định đầy đủ như trên là do, theo quy định của luật hình sự Việt Nam, xóa án được coi như là một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản. Mục đích của xóa án là nhằm xóa bỏ đi những mặc cảm của người bị kết án, động viên họ trở về cuộc sống lương thiện. Ngoài ra, xóa án còn có tác dụng hỗ trợ cho công tác cải tạo, giáo dục người đang chấp hành hình phạt tin tưởng vào tương lai, vào sự công bằng của xã hội. Nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đúng với những quy định này trong quá trình xóa án, không chỉ có tác dụng thiết thực đối với người bị kết án mà còn có tác dụng rất lớn đối với người đang thi hành án tích cực cải tạo, xóa đi những mặc cảm xã hội về quá khứ của mình.

Điều 52 quy định: "Người bị kết án được xóa án theo quy định ở các Điều 53 đến Điều 56. Người được xóa án coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận" [7].

Theo quy định tại Điều 52 thì cơ sở pháp lý của việc xóa án là những quy định của Bộ luật hình sự, mà cụ thể hơn là từ Điều 53 đến Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1985. Mặt khác, Điều 52 cũng chỉ rõ, hậu quả của việc xóa án, đó là người được xóa án coi như chưa can án. Vì vậy, sau khi được cấp giấy chứng nhận xóa án hoặc sau khi được Tòa án ra quyết định xóa án thì trong giấy tờ về căn cước, lý lịch cấp cho họ phải ghi "chưa can án". Người đã được xóa án mà sau lại phạm tội mới thì không được căn cứ vào những tiền án đã được xóa án mà coi như là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Tuy nhiên, bằng quy định "Người được xóa án coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận" đã tạo ra những cách hiểu khác nhau về vấn đề này. *Thứ nhất*, khi một người được xóa án thì đương nhiên họ sẽ được cấp giấy chứng nhận, tức là việc cấp giấy chứng nhận là nghĩa vụ đương nhiên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này không phù hợp với những quy định của Bộ luật hình sự về xóa án. Vì xóa án được thực hiện theo hai hình thức chủ yếu là đương nhiên xóa án và xóa án theo quyết định của Tòa án. Nếu là xóa án theo quyết định của Tòa án thì việc cấp giấy chứng nhận là quyền của Tòa án khi người xin xóa án đáp ứng được đầy đủ những điều kiện, thủ tục của xóa án. Hơn nữa, trong trường hợp này, Tòa án ra quyết định xóa án chứ không phải là giấy chứng nhận như trong trường hợp đương nhiên xóa án. Do vậy, quy định trên là không phù hợp.

Thứ hai, là từ "và" sẽ đưa ra cách hiểu để được xóa án phải có một điều kiện bắt buộc phải có là người được xóa án chỉ được coi là chưa can án khi được cấp giấy chứng nhận, tức là giấy chứng nhận xóa án là một trong những giấy tờ buộc phải có. Điều này cũng không phù hợp với quy định của luật hình sự về xóa án, vì trong trường hợp đương nhiên xóa án, người được xóa án có thể có hoặc có thể không cần xin giấy chứng nhận.

Áp dụng các quy định tại Điều 52 thì việc xóa án được thực hiện theo các quy định tại các Điều 53 đến Điều 56 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở phân tích và nghiên cứu các điều luật này, theo quy định mà các nhà làm luật đã đưa ra, việc xóa án sẽ được chia thành: Xóa án đương nhiên, xóa án theo quyết định của Tòa án. Còn xóa án trong trường hợp đặc biệt cũng có thể thuộc trường hợp thứ nhất hoặc trường hợp thứ hai.

2.2.1. Trường hợp đương nhiên xóa án

Theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985, những người sau sẽ đương nhiên được xóa án:

1. Người được miễn hình phạt.
2. Người được hưởng án treo mà không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ ngày hết thời gian thử thách.
3. Người bị kết án không phải về tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm quy định tại chương XII Phần các tội phạm Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu, người ấy không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:
 - a) Ba năm trong trường hợp hình phạt là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc cải tạo tại đơn vị kỷ luật của quân đội;
 - b) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù đến năm năm [6].

- Đối với trường hợp thứ nhất - Người được miễn hình phạt được coi là chưa can án vào thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật mà không trải qua một thời hạn nào. Như vậy, đặt vấn đề án tích trong trường hợp này không có ý nghĩa pháp lý gì cả, vì hậu quả pháp lý không tồn tại. Vì thế cho nên cũng không thể đặt ra vấn đề xóa án được. Để hiểu cụ thể vấn đề này hơn, chúng ta cần dựa vào quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự 1985 - Miễn hình

phạt. Khoản 2 Điều 48 quy định: "Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nói ở Điều 38, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự" [6].

Miễn hình phạt được áp dụng trong trường hợp Tòa án kết tội, nhưng không áp dụng hình phạt đối với người phạm tội do có những điều kiện mà Bộ luật hình sự năm 1985 quy định. Miễn hình phạt có thể được áp dụng đối với cả hình phạt chính cả hình phạt bổ sung. Việc miễn hình phạt cho người phạm tội chỉ được áp dụng khi có những điều kiện nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1985. Những điều kiện đó là:

+ Có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985. Như vậy, miễn hình phạt chỉ được áp dụng khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 38;

+ Người phạm tội đáng được khoan hồng đặc biệt: Thông thường, Tòa án chỉ miễn hình phạt cho người phạm tội trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, chưa gây hậu quả hoặc gây hậu quả không đáng kể hay hậu quả đã được khắc phục hoàn toàn...; bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, giáo dục mà không cần áp dụng hình phạt.

+ Người phạm tội có thể được miễn hình phạt nhưng chưa đến mức miễn trách nhiệm hình sự. Điều này có thể được hiểu, bị cáo có đầy đủ các điều kiện để miễn hình phạt, nhưng chưa thỏa mãn các điều kiện để có thể được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1985.

Theo quy định của điều luật này, việc miễn hình phạt cũng không loại trừ việc áp dụng các biện pháp tư pháp. Việc miễn hình phạt không làm phát sinh các hậu quả pháp lý của việc thực hiện trách nhiệm hình sự. Người được miễn hình phạt không có án tích. Hay nói cách khác, người được miễn hình phạt đương nhiên được xóa án tích ngay khi tuyên án.

- Đối với trường hợp thứ hai - Xóa án cho những người được hưởng án treo: Theo quy định này thì một người được hưởng án treo sẽ đương nhiên được xóa án khi "không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ ngày hết thời gian thử thách."

Đồng thời, ngày 05 tháng 07 năm 1990, Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn số 140/NCPL hướng dẫn xóa án cho người được hưởng án treo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985 và Công văn số 140/NCPL thì để được đương nhiên xóa án, người được hưởng án treo ngoài việc thực hiện đúng thời gian thử thách mà Tòa án ấn định, họ còn phải không được phạm tội mới trong thời hạn ba năm kể từ ngày hết thời gian thử thách. Khoảng thời gian ba năm kể từ ngày hết thời gian thử thách, nếu nhìn nhận một cách công bằng thì là hơi dài. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1985, thời gian thử thách là từ một đến năm năm. Vậy vấn đề đặt ra là có nên quy định khoảng thời gian để xem xét xóa án đương nhiên cho người bị kết án trùng với thời gian thử thách của án treo hay không? Dưới góc độ nghiên cứu khoa học và lý luận cũng như thực tiễn thì không nên quy định trùng, mà hợp lý hơn cả là nên rút ngắn thời hạn để xem xét xóa án cho người được hưởng án treo. Bên cạnh đó, để hiểu sâu hơn về trường hợp này, chúng ta cũng cần tìm hiểu về án treo, để từ đó có thể hiểu được lý do tại sao nhà làm luật lại quy định người được hưởng án treo sẽ được đương nhiên xóa án khi đáp ứng được những điều kiện nhất định.

Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định:

1. Khi xử phạt tù không quá ba năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ một đến năm năm.

2. Tòa án giao người bị án treo cho cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội nơi người đó làm việc hoặc thường trú để theo dõi, giáo dục.

3. Người bị án treo có thể phải chịu thêm một số hình phạt bổ sung như phạt tiền, cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định quy định ở Điều 23 và Điều 28.

4. Nếu người bị án treo đã chấp hành được một nửa thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm theo dõi, giáo dục, Tòa án có thể rút ngắn thời gian thử thách

5. Nếu trong thời gian thử thách, người bị án treo phạm tội mới do vô ý và bị phạt tù hoặc phạm tội mới do cố ý thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định ở khoản 2 Điều 42 [6].

Có thể khẳng định rằng, án treo không phải là một loại hình phạt quy định trong hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự Việt Nam. Thời gian thử thách là một khoảng thời gian cần thiết để kiểm tra tính hiệu quả của việc để người bị kết án cải tạo ngoài xã hội. Khoảng thời gian này, theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Bộ luật hình sự 1985 là từ một đến năm năm, tính từ ngày Tòa án quyết định cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là bắt buộc, không được cho hưởng án treo mà lại miễn thời gian thử thách, đồng thời, thời gian thử thách không được ngắn hơn mức phạt tù Tòa án đã tuyên đối với bị cáo.

Theo quy định của Điều 44, căn cứ để người bị kết án được hưởng án treo như sau:

+ Về mức hình phạt: Chỉ những người bị phạt tù không qua ba năm mới có thể được xét có cho hưởng án treo mà không quan tâm đó là loại tội gì, phạm một hay nhiều tội...

+ Về nhân thân: Người được hưởng án treo phải là người có nhân thân đảm bảo có thể cải tạo mà không cần cách ly khỏi xã hội;

+ Có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Khi cho người bị kết án được hưởng án treo, Tòa án bắt buộc phải giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Do vậy, sau khi hết thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo muốn được xóa án, một loại giấy tờ buộc phải có là Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú xác nhận thái độ nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật, lao động cải tạo tốt và không phạm tội mới.

- Đối với trường hợp thứ ba, người bị kết án sẽ đương nhiên được xóa án khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Không phạm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm quy định ở chương XII, Phần các tội phạm;

+ Không phạm tội mới trong thời hạn là ba năm (đối với hình phạt là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội) hoặc năm năm (đối với hình phạt tù đến năm năm) kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành án đã quá thời hiệu.

Trong trường hợp này, để được xem xét xóa án, điều kiện đầu tiên mà người bị kết án phải đáp ứng được đó là không phạm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm quy định ở chương XII. Và tiếp theo là điều kiện về khoảng thời gian kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành án. Để hiểu rõ hơn về trường hợp này, chúng ta cũng cần phải làm rõ vấn đề thế nào được gọi là chấp hành xong bản án và thời hiệu thi hành án, quá thời hiệu thi hành án.

Việc chấp hành xong bản án không chỉ là chấp hành xong hình phạt chính mà bao gồm cả việc chấp hành hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Thực tế, việc một người được miễn chấp hành phần hình khác còn lại cũng được xem là chấp hành xong hình phạt.

Thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1985 như sau:

1. Không buộc người bị kết án phải chấp hành bản án, nếu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đã qua thời hạn sau đây:

a) Năm năm đối với các trường hợp xử phạt tù năm năm tù trở xuống;

b) Mười năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên năm năm đến mười lăm năm;

c) Mười lăm năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên mười lăm năm đến hai mươi năm.

Nếu trong thời hạn nói trên, người bị kết án lại phạm tội mới và bị xử phạt tù thì thời gian qua không được tính và thời hiệu tính lại kể từ ngày phạm tội mới.

Nếu trong thời hạn nói trên người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính; thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ [6].

Thời hiệu thi hành án là khoảng thời gian do Bộ luật hình sự năm 1985 quy định, được tính từ thời điểm bản án có hiệu lực thi hành đến một thời điểm nhất định. Trong khoảng thời gian đó thì bản án có hiệu lực thi hành, còn nếu ngoài khoảng thời gian đó, không một cá nhân hoặc tổ chức nào có quyền đưa bản án ra thi hành và khi đó, người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1985, trước hết là thời hiệu thi hành bản án hình sự bao gồm: Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, bản án sơ thẩm đồng thời là chung thẩm và những bản án phúc thẩm.

Độ dài của khoảng thời gian mà trong đó các quyết định của bản án hoặc quyết định hình sự có hiệu lực thi hành, phụ thuộc vào loại hình phạt hoặc mức hình phạt. Tại khoản 1 Điều 44 quy định: Năm năm đối với các trường hợp xử phạt tù năm năm tù trở xuống, Mười năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên năm năm đến mười lăm năm, Mười lăm năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên mười lăm năm đến hai mươi năm.

Trường hợp người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ. Đây là vấn đề rất quan trọng, vì trong thực tiễn áp dụng đã có hiện tượng: Một số cán bộ cơ quan thi hành án đã có nhận thức không đúng dẫn đến sai lầm, bắt cả người đã hết thời hiệu thi hành án để thi hành án. Sai lầm này là do chỉ căn cứ vào việc "đã có lệnh truy nã", nhưng không chứng minh được người bị kết án "cố tình trốn tránh" hoặc chỉ căn cứ vào việc người bị kết án "cố tình trốn tránh" nhưng thực tế lại "không có lệnh truy nã đối với họ".

Như vậy, theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985, người bị kết án sẽ đương nhiên được xóa án tích khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện mà nhà làm luật đã dự liệu. Tuy nhiên, ở đây theo chúng tôi có một vấn đề cần xem xét nghiên cứu, trao đổi. Đó là theo Thông tư số 02 ngày 01/08/1986 hướng dẫn xóa án thì đối với trường hợp đương nhiên xóa án Tòa án không phải cấp giấy chứng nhận, nhưng lại quy định nếu ai cần thì cấp và thủ tục để cấp giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư 02 là khá phức tạp. Đó là, phải có giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi họ thường trú là họ đã không phạm tội mới trong thời gian pháp luật quy định để xóa án; phải có giấy tha sau khi hết hạn tù hoặc phải có giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị kỷ luật của quân đội nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt. Nếu người bị kết án được Tòa án giảm thời gian chấp hành hình phạt thì phải có quyết định của Tòa án về việc được giảm thời gian chấp hành hình

phạt. Trường hợp người bị kết án còn bị hình phạt bổ sung, thì tùy trường hợp phải có giấy tờ liên quan đến việc chấp hành xong các hình phạt bổ sung. Nếu phải bồi thường thiệt hại thì phải có giấy tờ chứng minh là đã bồi thường xong và đã nộp án phí đầy đủ. Khi có đủ các giấy tờ trên, Chánh án tòa án được ký giấy chứng nhận xóa án còn phải tiến hành những biện pháp xác minh. Bên cạnh đó, người được cấp giấy chứng nhận xóa án phải nộp lệ phí xóa án là 10.000 đồng.

Với những giấy tờ, thủ tục phức tạp như vậy người đương nhiên được xóa án phải đáp ứng khi muốn có được Giấy chứng nhận xóa án, nhưng xét về mặt pháp lý thì trường hợp này cũng chẳng khác gì so với trường hợp người được đương nhiên xóa án không xin cấp giấy chứng nhận.

2.2.2. Xóa án theo quyết định của Tòa án

Điều 54 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định:

1. Việc xóa án do Tòa án quyết định, căn cứ vào tính chất của tội đã phạm, vào nhân thân, vào thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án, trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị phạt tù đến năm năm về tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia mà không phạm tội mới trong thời hạn năm năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu;

b) Đã bị phạt tù trên năm năm không kể về tội gì mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu.

2. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án lần đầu phải chờ một năm sau mới lại được xin xóa án. Nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm mới lại được xin xóa án [6].

Theo quy định trên, người bị kết án sẽ được Tòa án xem xét xóa án khi không phạm tội mới trong một khoảng thời gian nhất định (năm năm hoặc mười năm) kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu. Tuy nhiên không phải người phạm tội nào cũng được xóa án khi đáp ứng được khoảng thời gian trên, mà khi xem xét xóa án cho người phạm tội, Tòa án còn phải căn cứ vào nhân thân, thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án. Nhà làm luật cũng dự liệu được trường hợp khi người phạm tội chưa đáp ứng được đầy đủ những điều kiện của xóa án mà đã xin xóa án. Đó là nếu bị bác đơn xin xóa án lần đầu phải chờ một năm sau mới lại được xin xóa án, nếu bị bác đơn lần thứ hai phải sau hai năm mới lại được xin xóa án.

Vấn đề xóa án theo quyết định của Tòa án là một vấn đề khá phức tạp. Nếu theo Điều 54 và Điều 240 Bộ luật hình sự năm 1985 thì xóa án do Tòa án quyết định chỉ khác trường hợp đương nhiên xóa án ở điều kiện được xóa án, còn thủ tục để được cấp giấy chứng nhận xóa án theo quy định tại Thông tư số 02 ngày 01/08/1986, hướng dẫn về xóa án, cũng tương tự nhau, chỉ khác ở chỗ: Trong quá trình giải quyết, việc ra quyết định xóa án được tiến hành chặt chẽ hơn, gần giống như thủ tục giải quyết một vụ án hoặc quyết định miễn, giảm, tạm đình chỉ thi hành hình phạt tù. Đó là, khi người bị kết án đã có đủ điều kiện được xóa án, phải làm đơn xin xóa án và các giấy tờ chứng nhận theo quy định. Nếu Chánh án tòa án có thẩm quyền thấy hồ sơ đã đầy đủ thì chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn mười ngày, Viện trưởng Viện kiểm sát phải có ý kiến và gửi trả hồ sơ cho Tòa án. Sau khi Chánh án quyết định (xóa án hay không xóa án) thì Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu quyết định của Chánh án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có sai lầm thì có thể kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm. Thông tư số 02 không quy định cho người có đơn xin xóa án được đôn đốc cáo theo thủ tục phúc thẩm nếu như họ không đồng ý với quyết định của Chánh án, nhất là đối với những quyết định bác đơn xin xóa án.

Như vậy, thủ tục xóa án do Tòa án quyết định gần giống như thủ tục giải quyết một vụ án "vụ án xóa án". Nếu như tất cả những người có đủ điều kiện xóa án đều làm đơn xin xóa án thì số lượng công việc của các Tòa án sẽ quá tải. Nhưng trên thực tế, số người xin xóa án là rất ít, có những Tòa án trong một năm không giải quyết trường hợp xóa án nào.

2.2.3. Xóa án trong trường hợp đặc biệt và cách tính thời hạn để xóa án

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về việc xóa án đối với những người bị kết tội đặt ra vấn đề cần xem xét giải quyết. Đó là, ngoài hai trường hợp xóa án đương nhiên và xóa án theo quyết định của Tòa án thì còn có trường hợp nào khác không, người bị kết án có được xem xét xóa án khi chưa hết thời hạn để được xem xét xóa án hay không? Các nhà làm luật đã dự liệu được trường hợp này và đã quy định về việc xóa án trong trường hợp đặc biệt tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1985 như sau: "Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt, lập công và được cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội đề nghị, thì được Tòa án có thể xóa án nếu người đó đã bảo đảm được từ một phần ba đến một nửa thời hạn quy định" [6].

Như vậy, theo quy định tại Điều 55, không phải người bị kết án nào cũng chỉ được xem xét xóa án khi hết một thời hạn luật định, việc xóa án cho người bị kết án mặc dù họ chưa trải qua hết thời hạn luật định hoàn toàn có thể giải quyết. Đó là trường hợp, người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt, lập công và được cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội đề nghị, nhưng những người này cũng cần phải trải qua ít nhất là một phần ba hoặc một nửa thời hạn quy định. Quy định của Bộ luật hình sự là như vậy, nhưng thực tế áp dụng cũng khá khó khăn đối với quy định "có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt, lập công và được cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội đề nghị". Quy định này rất chung chung, tạo kẽ hở cho người áp dụng nảy sinh tiêu cực

không đáng có. Vì thực tế cho thấy, để định nghĩa thế nào là "tiên bộ rõ rệt" hay "đã lập công" là rất khó, có rất nhiều quan điểm khác nhau. Vấn đề này cần được hướng dẫn thi hành cụ thể hơn nữa.

Về vấn đề cách tính thời hạn để xóa án, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định:

1. Thời hạn để xóa án quy định ở Điều 53 và Điều 54 căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.
2. Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.
3. Người được miễn chấp hành hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.
4. Nếu chưa được xóa án mà phạm tội mới thì thời hạn để xóa án cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới [6].

Theo quy định trên, thời hạn để xóa án được xác định căn cứ vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án. Mặt khác, để được xem xét xóa án, đòi hỏi người bị kết án phải chấp hành tất cả những hình phạt mà Tòa án đã bắt họ phải gánh chịu, nó bao gồm cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa án. Trong trường hợp, người bị kết án chưa được xóa án mà lại phạm tội mới thì thời hạn xóa án đối với bản án cũ sẽ được tính từ ngày người đó chấp hành xong hình phạt của bản án mới. Quy định này có tác dụng cảnh cáo, nhắc nhở người bị kết án muốn được xóa án thì không được phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án đối với tội đã phạm trước đây.

2.2.4. Xóa án đối với người chưa thành niên phạm tội

Nội dung cơ bản của chính sách hình sự của Nhà nước ta là chính sách nhân đạo, bên cạnh mục đích trừng trị, chúng ta còn nêu cao mục đích động

viên, giáo dục, cảm hóa người phạm tội trở thành người có ích đối với xã hội. Xuất phát sự phát triển nhân cách, tâm sinh lý của con người, Bộ luật hình sự quy định thành một chương riêng để điều chỉnh những hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Từ quy định chung đó, vấn đề xóa án đối với người chưa thành niên phạm tội cũng được quy định ở một điều luật riêng biệt.

Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định:

1. Người chưa thành niên phạm tội được áp dụng những biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa quy định tại khoản 1 Điều 60 thì không bị coi là có án.

2. Thời hạn để xóa án đối với người chưa thành niên phạm tội là một nửa thời hạn quy định ở các Điều 53 đến Điều 55 [6].

Theo quy định trên và Điều 60 thì người chưa thành niên phạm tội khi bị Tòa án quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp có tính chất phòng ngừa: Buộc phải chịu thử thách, Đưa vào trường giáo dưỡng sẽ được coi như chưa có án. Điều này cũng phù hợp với quan điểm của nhiều người là án tích chỉ tồn tại khi một người bị áp dụng hình phạt. Do vậy, vấn đề xóa án trong trường hợp này không cần phải đặt ra. Quy định này có ý nghĩa rất lớn đối với người chưa thành niên phạm tội. Vì khi những người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng các biện pháp tư pháp, khi hết thời gian thử thách hoặc đã hoàn thành thời gian học tập, rèn luyện trong trường giáo dưỡng, họ đương nhiên sẽ trở thành một người công dân bình thường của xã hội, họ lại tái hòa nhập cộng đồng mà không phải bị mang mặc cảm bản thân là người đã phạm tội và bị Tòa án kết án.

Sự ưu ái đối với người chưa thành niên phạm tội còn được thể hiện ở thời gian thử thách mà họ phải gánh chịu khi đã bị kết án. Đó là, họ chỉ phải chịu thời gian thử thách bằng một nửa thời hạn quy định đối với người không phải là người chưa thành niên phạm tội.

Một điều đặc biệt thể hiện quan điểm nhân đạo của Nhà nước ta liên quan đến án tích là theo Điều 59 Bộ luật hình sự năm 1985 thì người từ đủ 14 đến 16 tuổi phạm tội, chưa được xóa án mà lại phạm tội mới thì việc phạm tội trước đó không được tính để xác định tái phạm hay tái phạm nguy hiểm. Hay nói cách khác, hậu quả pháp lý quan trọng nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi không xảy ra. Điều này đảm bảo cho hệ tư duy phát triển bình thường của lứa tuổi này.

2.3. CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Trong Bộ luật hình sự năm 1999, chế định xóa án tích được quy định thành một chương riêng - Chương IX - Xóa án tích, bao gồm năm điều luật, từ Điều 63 đến Điều 67. So với Bộ luật hình sự năm 1985 về vấn đề xóa án tích, Bộ luật hình sự năm 1999 có những sự khác biệt nhất định.

Thứ nhất, về tên gọi, nếu Bộ luật hình sự năm 1985 gọi là xóa án thì Bộ luật hình sự năm 1999 gọi là xóa án tích.

Thứ hai, nếu như trước đây trong Bộ luật hình sự năm 1985, vấn đề xóa án chưa được quy định thành một chương riêng mà được quy định chung trong cùng một chương VI - Việc quyết định hình phạt, miễn và giảm hình phạt, thì trong Bộ luật hình sự năm 1999, vấn đề xóa án tích đã được quy định thành một chương riêng.

Những điểm khác trên thể hiện được sự đánh giá của các nhà làm luật về tầm quan trọng của chế định xóa án tích trong đời sống hiện đại và sự tiến bộ trong kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta..

Điều 63 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 64 đến Điều 67 của Bộ luật này.

Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án cấp giấy chứng nhận [7].

Theo quy định tại Điều 63, cơ sở để xem xét xóa án tích cho người bị kết án là các quy định từ Điều 64 đến Điều 67 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 63 "xóa án tích" đã cụ thể hóa nguyên tắc đối xử đối với người phạm tội đã được ghi nhận tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể như sau: "Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích" [7].

Nếu như Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1985 dùng từ "can án" thì Điều 63 Bộ luật hình sự 1999 lại dùng từ "kết án". Cách dùng từ của Điều 63 tạo cho người đọc dễ hiểu hơn, vì từ "kết án" mang tính chất thuần việt còn từ "can án" mang tính chất Hán việt. Theo cách hiểu thuần việt, kết án là một sự kiện pháp lý, theo đó Tòa án không chỉ buộc tội mà còn áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Với bản án buộc tội, người bị kết án phải chấp hành hình phạt (trừ trường hợp được miễn chấp hành hình phạt). Như vậy, việc kết án là một sự kiện khách quan không thể xóa bỏ. Hậu quả trực tiếp của việc kết án là người phạm tội phải chịu hình phạt. Bên cạnh đó, người bị kết án còn bị đặt vào một hoàn cảnh thử thách khác, là dù có chấp hành xong bản án, nhưng nếu chưa được xóa án tích thì trong những trường hợp nhất định, họ vẫn phải chịu những hậu quả pháp lý do việc kết án mang lại. Chẳng hạn, việc kết án sẽ là cơ sở để xác định hành vi vi phạm hành chính khi nào sẽ trở thành hình vi phạm tội, hành vi phạm tội khi nào bị coi là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm.

Với việc sửa lại thuật ngữ "xóa án" bằng "xóa án tích" không những có ý nghĩa lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn hết sức to lớn. Bởi vì, "xóa án tích" chính là việc xóa đi vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội chứ không phải là việc xóa đi bản án mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Chính vì vậy, việc thay thế và dùng thuật ngữ "xóa án tích" là hợp lý hơn cả.

" Vết tích" đã từng bị kết án của người phạm tội bắt đầu được tính từ ngày bản án kết án người phạm tội có hiệu lực pháp luật. Điều đó cũng có nghĩa, là người bị coi là có án tích trong một khoảng thời gian nhất định sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho tới lúc được xóa án tích theo giấy chứng nhận hoặc theo quyết định của Tòa án. Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo và chính sách hình sự của Nhà nước ta, để người đã bị kết án không còn mặc cảm với quá khứ tội lỗi của mình, tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định việc xóa án tích cho họ. Tuy nhiên để được xóa án tích, người bị kết án phải đáp ứng những điều kiện nhất định mới được làm đơn xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích hoặc đề nghị Tòa án ra quyết định xóa án tích. Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án ra quyết định hoặc cấp giấy chứng nhận.

Cũng giống như quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 1985, bằng quy định "Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án cấp giấy chứng nhận" tại Điều 63 Bộ luật hình sự 1999, gây ra những cách hiểu không đúng về quy định này. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng, để được coi như chưa can án người bị kết án bắt buộc phải được Tòa án cấp giấy chứng nhận. Hiểu như vậy, nên thực tế có những trường hợp xóa án tích không cần xin Tòa án cấp giấy chứng nhận nhưng họ cứ phải đến Tòa án xin, gây khó khăn cho các Tòa án trong việc giải thích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người được xóa án tích. Do đó, để hiểu đúng quy định này, cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể và công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cũng cần được đẩy mạnh hơn nữa Với sự khẳng định "Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án", luật hình sự Việt Nam đã đưa ra một quy tắc xử sự đối với người bị kết án: Kể từ thời điểm được xóa án tích, họ trở thành người hoàn toàn bình thường về mặt tư pháp và không một ai có thể căn cứ vào sự kiện họ từng bị kết án để hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Khi đã được xóa án tích, mọi giấy tờ về căn cứ, lý lịch của người từng bị kết án đều được ghi chưa bị kết án hay tiền án: không.

Một vấn đề nữa mà chúng tôi nhận thấy còn bất cập trong quy định của Điều 63 Bộ luật hình sự năm 1999 liên quan đến hình thức ghi nhận việc xóa án tích. Quy định của Điều 63 Bộ luật hình sự năm 1999 về việc cấp giấy chứng nhận cho người được xóa án tích là chưa thật chặt chẽ. Bởi vì:

Thứ nhất, ngoài hình thức đương nhiên xóa án tích mà Tòa án cấp giấy chứng nhận, Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định. Trong trường hợp này, Tòa án ra quyết định xóa án tích;

Thứ hai, đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích, người được xóa án tích chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận một thực tế là họ đã được xóa án tích. Vì thế, việc điều luật ghi nhận việc họ được "coi là chưa bị kết án" trước khi cấp giấy chứng nhận là hợp lý. Còn trường hợp xóa án tích do Tòa án quyết định thì chỉ khi Tòa án ra quyết định xóa án tích, người đó mới được coi là chưa bị kết án.

Vì vậy, theo chúng tôi phải chăng về kỹ thuật lập pháp phải diễn đạt lại phần sau của Điều 63 Bộ luật hình sự năm 1999 cho hợp lý.

Trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời đã có những sự kế thừa và phát triển nhất định. Về chế định xóa án tích, Bộ luật hình sự năm 1999 cũng quy định gồm các hình thức như sau: Đương nhiên xóa án tích, xóa án tích theo quyết định của Tòa án và xóa án tích trong trường hợp đặc biệt. Đối với người chưa thành niên, trên cơ sở Điều 66 của chương IX, Điều 77 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã đưa ra nguyên tắc giảm nhẹ đặc biệt: Thời hạn để xem xét xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ bằng một nửa so với người trưởng thành và các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với họ: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng... không bị coi là có án tích.

2.3.1. Đương nhiên xóa án tích

Theo quy định tại Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, những người sau đây sẽ đương nhiên được xóa án tích:

1. Người được miễn hình phạt.

2. Người bị kết án không phải về các tội quy định tại chương XI và chương XXIV của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;

c) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

d) Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù trên mười lăm năm [7].

So với quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985, thì Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, có sự thay đổi đáng kể về phạm vi cũng như thời hạn.

- Về phạm vi: Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 mở rộng phạm vi các tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích. Theo quy định của điều luật, ngoại trừ các tội phạm quy định tại chương XI và chương XXIV, người bị kết án về tội phạm gì đều có thể được đương nhiên xóa án tích.

- Về thời gian: Bộ luật hình sự năm 1999 rút ngắn đáng kể thời hạn đương nhiên được xóa án tích. Chẳng hạn như trong trường hợp người bị kết án không phải phạt tù hoặc phạt tù được hưởng án treo thì thời hạn chỉ là một năm, cũng trường hợp này, Bộ luật hình sự năm 1985 quy định thời hạn là ba năm...

Quy định trên của Bộ luật hình sự thể hiện sự tiến bộ rõ rệt về chính sách hình sự nhân đạo, tôn trọng quyền con người, lấy mục đích giáo dục con người trong xử lý hình sự... của Nhà nước ta. Một người phạm tội là phải chịu hình phạt và khi người đó đã chấp hành xong hình phạt thì không nên để họ

phải mang những hậu quả pháp lý nặng nề khác để họ tái hòa nhập cộng đồng, yên tâm sống, công tác, trở thành người có ích cho xã hội.

Cũng giống như Điều 53 Bộ luật hình sự 1985, người được miễn hình phạt cũng là người đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét về cả lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự thì quy định này là hoàn toàn phù hợp, không có gì cần phải tranh luận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật hình sự, người được miễn hình phạt là người phạm tội trong trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên mặc dù bị đưa ra xét xử nhưng được Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt. Về nguyên tắc, người được miễn hình phạt đương nhiên được xóa án tích sau khi Tòa án quyết định miễn hình phạt cho họ.

Cũng có ý kiến cho rằng, đối với những người được miễn hình phạt nhưng phải thi hành các quyết định khác của bản án như: án phí, bồi thường thiệt hại... thì chỉ được đương nhiên xóa án tích khi đã chấp hành xong các quyết định đó. Chúng tôi cho rằng, ý kiến đó là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì điểm 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 không gắn việc xóa án tích của người được miễn hình phạt với điều kiện chấp hành xong bản án. Điều kiện chấp hành xong bản án chỉ gắn với các trường hợp xóa án tích khác được quy định tại điểm 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 mà thôi.

Theo Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 1999, miễn hình phạt tức là không áp dụng hình phạt đối với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, có thể khẳng định, người được miễn hình phạt vẫn là người phạm tội, phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Nhưng do đáng được khoan hồng đặc biệt nên họ không phải chịu hình phạt, vì vậy, họ không bị coi là có án tích. Như vậy, có thể kết luận rằng, vấn đề án tích chỉ đặt ra đối với người phạm tội phải chịu hình phạt.

So với quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985, về đương nhiên xóa án thì những quy định tại khoản 2 Điều 64 cho thấy tất cả các mức án về các tội không phải là những tội quy định tại chương XI - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia và tại chương XXIV - Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, đều thuộc diện đương nhiên được xóa án tích. Trước đây, thuộc diện đương nhiên xóa án chỉ có án phạt tù đến năm năm và những án không phải phạt tù như: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Còn những án khác có mức phạt tù từ năm năm trở lên đều thuộc diện xóa án theo quyết định của Tòa án.

Theo quy định tại điểm, khoản 2 Điều 64, những người bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo về các tội không phải là những tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV và không phạm tội mới trong thời hạn một năm kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án cũng thuộc diện đương nhiên xóa án. Cũng trường hợp này, nếu đem so sánh với những quy định tại điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985 thì có những khác biệt đáng kể. Đó là, nếu như Bộ luật hình sự năm 1985 quy định xóa án đối với người được hưởng án treo thành một mục riêng (khoản 2 Điều 53) thì Bộ luật hình sự năm 1999 lại quy định việc xóa án tích cho người được hưởng án treo cùng với quy định đối với người bị phạt cảnh cáo, phạt tiền....Theo Bộ luật hình sự năm 1985, người được hưởng án treo sẽ được xóa án nếu sau ba năm kể từ ngày hết thời hạn thử thách, thì hiện nay, theo Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn đó chỉ còn là một năm. Thời hạn một năm cũng được áp dụng để xóa án tích đối với người bị phạt cảnh cáo, phạt tiền hoặc bị cải tạo không giam giữ, trong khi đó theo Bộ luật hình sự năm 1985 là ba năm.

Nếu như, theo Bộ luật hình sự năm 1985, đối với những người bị kết án tù đến năm năm, thời hạn áp dụng để xóa án cho họ là năm năm, thì nay theo Bộ luật hình sự năm 1999, đối với người bị kết án phạt tù đến ba năm,

thời hạn áp dụng để xóa án tích cho họ chỉ là ba năm. Quy định này của Bộ luật hình sự năm 1999 đã rút ngắn thời hạn áp dụng để xóa án tích cho những người đã bị kết án về những tội ít nghiêm trọng. Điều này phù hợp với chính sách phân hóa tội phạm đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999. Quy định này cũng nhằm tạo khả năng để những người phạm tội ít nghiêm trọng sớm hòa nhập cộng đồng, sớm trở thành người lương thiện, người có ích cho xã hội.

Bộ luật hình sự năm 1999, giữ nguyên thời hạn để xóa án tích là năm năm đối với những người bị kết án phạt tù trên ba năm đến năm năm như Bộ luật hình sự năm 1985 quy định. Cũng cần lưu ý rằng, thời hạn năm năm cũng được áp dụng để xóa án tích cho những người bị kết án phạt tù trên năm năm đến mười lăm năm. Trong khi đó, theo Bộ luật hình sự năm 1985, những người bị kết án tù trên năm năm phải trải qua mười năm kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc kể từ khi bản án đã quá thời hiệu thi hành và không phạm tội mới trong thời hạn đó mới được xem xét để xóa án tích, nay theo Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn dài nhất để có thể được xóa án tích chỉ là bảy năm trong trường hợp hình phạt tù là trên mười lăm năm và thuộc diện đương nhiên xóa án tích.

Theo sự phân tích trên, có thể nói các khoảng thời gian: Một năm, ba năm, năm năm và bảy năm được quy định dựa trên cơ sở loại hình phạt và mức hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Điều này cũng đồng nghĩa với việc, án càng nặng thì thời gian thử thách để xem một người bị kết án được đương nhiên xóa án tích càng dài.

Về vấn đề thời hạn, chúng ta cần quan tâm đến các mốc thời gian, đó là, chấp hành xong bản án và hết thời hiệu thi hành bản án. Trước hết, về thời hạn chấp hành xong bản án, theo Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn để xem xét xóa án tích là căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên. Tuy nhiên, thời hạn này được tính từ ngày chấp hành xong bản án hoặc từ ngày hết thời hiệu

thi hành bản án đó. Việc chấp hành xong bản án không chỉ là chấp hành xong hình phạt chính mà bao gồm cả việc chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa án. Trường hợp người được miễn chấp hành hình phạt còn lại cũng được coi là chấp hành xong hình phạt. Về vấn đề hình phạt cảnh cáo, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bản án coi như được chấp hành xong.

Đối với vấn đề hết thời hiệu chấp hành bản án thì theo Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999, thời hiệu thi hành bản án được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và thời gian đó là:

- Năm năm đối với trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ ba năm trở xuống;

- Mười năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

- Mười lăm năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên mười lăm năm đến ba mươi năm.

- Việc áp dụng thời hiệu đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình, sau khi đã qua thời hạn mười lăm năm, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Khi hết thời hiệu trên (và không cố tình trốn tránh, không phạm tội mới) thì người bị kết án sẽ được bắt đầu tính thời hạn đương nhiên xóa án tích. Bên cạnh đòi hỏi người bị kết án phải chấp hành thời hạn trên, nhà làm luật còn buộc người bị kết án phải tuân thủ một điều kiện nữa thì mới được xét đương nhiên xóa án tích, đó là, không phạm tội mới trong khoảng thời hạn đã nêu.

2.3.2. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án

Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với những người bị kết án về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị phạt tù đến ba năm mà không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

b) Đã bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn bảy năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

c) Đã bị phạt tù trên mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án.

2. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích; nếu bác đơn lần thứ hai, trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích [7].

Căn cứ vào những quy định trên, có thể khẳng định, việc xóa án tích do Tòa án quyết định chỉ đặt ra đối với những người bị kết án và các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Ngoài tính chất của tội phạm đã được thực hiện, Tòa án khi quyết định xóa án tích hay không xóa án tích, còn phải căn cứ vào nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong những trường hợp trên.

Bằng một phép so sánh đơn giản, chúng ta cũng nhận thấy rằng, về thời gian thử thách giữa đương nhiên được xóa án tích với xóa án tích theo quyết định của Tòa án thời gian thử thách của xóa án tích theo quyết định của

Tòa án dài hơn. Điều này được lý giải là do những tội phạm thuộc diện xóa án tích do Tòa án quyết định có tính chất nghiêm trọng hơn, và phần nào, với quy định này thể hiện được chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và xâm phạm các lợi ích mang tính chất nhân loại được quy định tại Chương XI và Chương XXIV Bộ luật hình sự năm 1999.

Về điều kiện buộc người bị kết án phải tuân thủ khi muốn được xem xét xóa án tích, so với đương nhiên xóa án tích có sự khác biệt nhất định xuất phát từ tính chất của loại tội phạm quy định tại các chương XI và chương XXIV Bộ luật hình sự năm 1999. Đó là ngoài điều kiện bắt buộc là thời gian thử thách được tính từ khi chấp hành xong bản án và điều kiện không phạm tội mới trong khoảng thời gian đó, để quyết định xóa án tích cho những người bị kết án theo quy định ở Điều 65, Tòa án còn phải căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án. Vấn đề đặt ra ở đây là căn cứ vào đâu, hay chuẩn mực nào để Tòa án đánh giá về tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án? Chúng ta có thể trả lời câu hỏi này căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự nói chung. Đó là, tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người phạm tội đã được đánh giá và thể hiện trong bản án của Tòa án. Còn về thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án thì Tòa án sẽ dựa trên kết quả xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị kết án làm việc hoặc cư trú. Thông tư liên ngành số 02 ngày 01/08/1986 hướng dẫn xóa án quy định:

Chỉ coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật, những trường hợp đã bị xử phạt hành chính về những hành vi phạm pháp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà không chịu sửa chữa. Đối với những trường hợp chỉ là việc vi phạm nhỏ nhất thì không nên căn cứ vào đó mà không cho xóa án [13].

Về thời hiệu thi hành bản án, cũng cần lưu ý một số vấn đề, theo Nghị quyết số 01 ngày 04/08/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định chung của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Khi xem xét thời hiệu thi hành bản án đã hết hay chưa để xem xét việc xóa án tích, thì cần phải căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999. Đặc biệt cần chú ý là thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với trường hợp xử phạt tiền trước đây chưa được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985, cho nên được thi hành theo Pháp lệnh thi hành án dân sự, nay đã được quy định bổ sung tại điểm a, khoản 2 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999, mà theo quy định này thì thời hiệu thi hành án đối với hình phạt tiền là năm năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các quyết định khác về tài sản trong bản án hình sự: Bồi thường thiệt hại, tịch thu tài sản, án phí... thì vẫn thi hành theo các quy định của Pháp lệnh thi hành án dân sự. Do đó, để xem xét thời hiệu thi hành án đối với các quyết định về tài sản trong bản án hình sự đã hết hay chưa thì cần phân biệt như sau:

- Đã hết thời hiệu thi hành án đối với các quyết định về tài sản trong bản án hình sự, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 21 Pháp lệnh mà không có trở ngại khách quan, nhưng người được thi hành án không có đơn gửi cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án hoặc trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án, nhưng đã không ra quyết định thi hành án.

- Hết thời hạn một năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cá nhân được thi hành án không có đơn gửi cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án đối với quyết định về trả tài sản hoặc bồi thường thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa và thủ trưởng cơ quan thi hành án cũng không chủ động ra quyết định thi hành án theo quy định của Pháp lệnh thì quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

- Nếu trong thời hạn quy định tại Điều 21 Pháp lệnh mà cá nhân được thi hành án, cơ quan tổ chức được thi hành án đã chủ động ra quyết định thi hành án, thì chỉ khi nào người bị kết án thi hành xong các quyết định về tài sản hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án thì mới được gọi là chấp hành xong các quyết định của Tòa án về tài sản trong bản án hình sự.

Khi nghiên cứu về thời hạn xóa án tích theo quyết định của Tòa án, chúng tôi nhận thấy rằng, khác với đương nhiên xóa án tích chỉ cần người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn luật định thì đương nhiên được xóa án tích. Thời hạn quy định trong trường hợp này đúng là thời hạn xóa án tích và không ai có quyền thay đổi, kéo dài.

Còn trong trường hợp xóa án tích do Tòa án quyết định, thời hạn luật định chỉ là thời hạn để người bị kết án yêu cầu và Tòa án xem xét để quyết định. Tòa án không nhất thiết quyết định xóa án tích trong thời hạn đó mà có thể kéo dài.

Như vậy, các thời hạn được quy định tại Điều 64 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999 là khác nhau về bản chất. Chúng tôi cho rằng, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định việc xóa án tích đối với người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phá hoại hòa bình và tội phạm chiến tranh do Tòa án quyết định có thể là hợp lý trong bối cảnh hiện tại của đất nước ta. Thế nhưng quy định thời hạn tối đa là mười năm mới xem xét để quyết định để xóa án tích là quá dài, thiếu thống nhất với tinh thần chung của Bộ luật hình sự. Chúng ta hoàn toàn có thể quy định thời hạn này ngắn hơn để phù hợp với bản chất nhân đạo của pháp luật hình sự và khuyến khích sự tiến bộ của người bị kết án. Còn trong trường hợp cần thiết thì Tòa án có thể kéo dài thời hạn đó bằng cách bác đơn xin xóa án tích, nếu người bị kết án không đủ điều kiện.

Về thủ tục xóa án tích, được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 02 ngày 01/08/1986 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ về việc xóa án. Nhìn chung, thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án có những đặc điểm chung như sau: *Thứ nhất*, Tòa án có quyền ra quyết định xóa

án tích cho những người bị kết án hoặc có quyền bác đơn xin xóa án tích của họ; *thứ hai*, những lần sau xin xóa án tích thì người đã bị kết án phải nộp những giấy tờ chứng minh họ đã khắc phục được những thiếu sót trước đây là nguyên nhân cho họ chưa được xóa án tích; *thứ ba*, có ý kiến của Viện kiểm sát cùng cấp về người bị kết án có đủ điều kiện được xóa án tích hay chưa; *thứ tư*, quyết định của Tòa án về xóa án tích có thể bị Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có sai lầm, có thể kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm.

2.3.3. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt và cách tính thời hạn xóa án tích

Vấn đề đặt ra ở đây là, thời hạn để xem xét xóa án tích Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định như vậy, nhưng có trường hợp ngoại lệ nào không? Tức là có trường hợp nào người bị kết án sẽ được giảm thời hạn đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 64. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta căn cứ vào Điều 66 Bộ luật hình sự năm 1999: "Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã đảm bảo được ít nhất một phần ba thời hạn quy định" [7]. Theo quy định này, người bị kết án phải chấp hành một khoảng thời gian tối thiểu là một phần ba thời hạn quy định, thì mới được xét xóa án tích trước thời hạn khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện khác mà nhà làm luật đã dự liệu. Như vậy, trong trường hợp này việc xóa án tích trước thời hạn trong trường hợp đặc biệt mặc nhiên đã trở thành xóa án tích do Tòa án quyết định. Không phải mọi trường hợp khi cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương đề nghị đều được Tòa án xóa án tích. Điều luật quy định Tòa án có thể xóa án tích, cũng có thể không xóa án tích cho người bị kết án. Hay nói cách khác, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là một trong những hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định.

Điều 66 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã đảm bảo được ít nhất một phần ba thời hạn quy định [7].

Quy định trên thể hiện rõ nét nhất tính chất nhân đạo và khuyến khích phục thiện trong chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung và trong quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt nói riêng. Với quy định này, các nhà làm luật mong muốn khuyến khích người bị kết án tích cực rèn luyện, thể hiện quyết tâm trở lại với cuộc sống lương thiện để sớm được coi là người chưa can án.

So với quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 thì xóa án tích trong trường hợp đặc biệt của Điều 66 Bộ luật hình sự năm 1999 có khác về thời hạn để xóa án tích. Nếu như trước đây trong Bộ luật hình sự năm 1985, người bị kết án có thể được xóa án tích sau khi người đó đã đảm bảo ít nhất từ một phần ba đến một phần hai thời hạn quy định, thì nay người đó chỉ cần bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định. Quy định này rõ ràng có tác dụng động viên, khuyến khích những người bị kết án tham gia vào những hoạt động xã hội có ích, giúp họ nhanh chóng hơn hòa nhập vào cuộc sống chung và tiếp tục củng cố thêm kết quả cải tạo của mình để sớm trở thành người lương thiện.

Sự tiến bộ rõ rệt nói trong Điều 66 được thể hiện qua những tình tiết như người đó tự giác tham gia sinh hoạt trong một tổ chức xã hội bằng hoạt động có ích nhất định, làm việc có hiệu quả cao trong cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình sinh hoạt, lao động, sản xuất, chiến đấu, người đã bị kết án đã đạt được những thành tích cụ thể đáng kể được cơ quan nhà nước, tổ chức ghi

nhận tuyên dương. Vấn đề cần chú ý ở đây là, đề nghị của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội là một bắt buộc để Tòa án xem xét vấn đề xóa án tích trước thời hạn cho người bị kết án.

Thời hạn để xóa án tích trong trường hợp đặc biệt cũng được tính theo quy định chung nhưng yêu cầu chỉ bằng một phần ba thời hạn quy định.

Về vấn đề cách tính thời hạn để xóa án tích: Vấn đề xóa án tích liên quan đến một loạt vấn đề trong đó có vấn đề cách tính thời hạn để xóa án tích, vấn đề người đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, vấn đề chấp hành xong bản án... Tất cả những vấn đề trên đã được Bộ luật hình sự quy định tại Điều 67 - "Cách tính thời hạn để xóa án tích" như sau:

1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.
2. Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới.
3. Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.
4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt [7].

Theo quy định của Điều 67, thời hạn để xóa án tích đối với cả trường hợp đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án là căn cứ vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Dựa vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên trong bản án là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc phạt tù với các thời hạn khác nhau mà xác định thời hạn để xóa án tích là một năm, ba năm, năm năm, bảy năm hoặc mười năm.

Việc lấy hình phạt chính làm căn cứ để tính thời hạn để xóa án tích là hoàn toàn hợp lý. Bởi vì, thứ nhất, hình phạt chính là biểu hiện tập trung đánh

giá của Tòa án đối với hành vi phạm tội; thứ hai, một bản án kết tội nào của Tòa án cũng có hình phạt chính. Tuy nhiên, ở đây có vấn đề đặt ra cần nghiên cứu giải quyết, đó là có hay không có mâu thuẫn khi mà khoản 1 Điều 67 quy định: Thời hạn để xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính, còn khoản 3 lại quy định: Chấp hành xong bản án không có nghĩa là chỉ chấp hành xong hình phạt chính, mà còn là hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Như vậy, thời gian để xóa án tích lại có thể tính từ thời điểm người bị kết án chấp hành xong hình phạt bổ sung hoặc chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể lý giải như sau: Quy định ở khoản 1 là quy định nội dung. Với quy định này, đã đưa ra một lượng thời gian dài hay ngắn, nhà làm luật đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án. Còn quy định tại khoản 3 Điều 67 chỉ giúp chúng ta xác định cách tính thời hạn, tức là chỉ rõ trường hợp nào thì sẽ lấy mốc nào.

Nếu thời hạn để xóa án tích được căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên thì mốc tính thời hạn đó được bắt đầu kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án, chứ không phải bắt đầu được tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính. Sẽ được coi là chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án trong các trường hợp sau đây:

- Người bị kết án đã tự mình chấp hành xong toàn bộ hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án;
- Người bị kết án được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án;
- Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, còn các quyết định về tài sản trong bản án hình sự đã có người nộp thay cho người bị kết án;

- Người bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đã hết thời gian thử thách và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

Thời hạn để được xóa án tích được tính từ ngày người đã bị kết án chấp hành xong bản án đã tuyên. Trong trường hợp người bị kết án chưa được xóa án tích theo giấy chứng nhận hoặc theo quyết định của Tòa án mà phạm tội mới thì thời hạn để xóa án tích cũ bắt đầu tính từ ngày chấp hành xong bản án mới. Cũng cần lưu ý rằng, thuật ngữ " phạm tội mới" nói trong điều luật có nghĩa là người bị kết án thực hiện bất kỳ một tội phạm nào đã quy định trong Bộ luật hình sự trong thời gian mang án tích. Việc người đã bị kết án phạm tội mới trong thời gian người đó còn mang án tích chứng tỏ người đó chưa thật tâm tự cải tạo, giáo dục, không muốn trở thành người lương thiện. Do vậy, pháp luật hình sự quy định thời hạn để xóa án tích cũ được tính từ ngày chấp hành xong bản án mới, là thể hiện tính nghiêm khắc của án tích, làm cho án tích phát huy vai trò, ý nghĩa của nó trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét về mặt nội dung thì những quy định tại Điều 67 không có gì khác so với những quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên, về hình thức cơ cấu, Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1999 hợp lý hơn bởi việc chuyển khoản 4 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1985 lên thành khoản 2 của Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này cho phép đối chiếu, so sánh liên tục hơn, rõ ràng hơn cách tính thời hạn để xóa án tích trong trường hợp người đã bị kết án không phạm tội mới với cách tính thời hạn để xóa án tích trong trường hợp chưa được xóa án tích mà phạm tội mới.

Việc chấp hành xong bản án là chấp hành xong các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước mà Tòa án đã ghi trong bản án. Tùy thuộc vào tội phạm mà người phạm tội thực hiện và các chế tài hình phạt mà Điều luật quy định mà trong trường hợp này, Tòa án chỉ quyết định hình phạt chính đối với người

phạm tội còn trong trường hợp khác, Tòa án quyết định áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung đối với người phạm tội. Cũng có những bản án trong đó có cả những quyết định khác của Tòa án. Do vậy, chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác nêu trong bản án.

2.3.4. Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội

Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật hình sự này.

2. Người chưa thành niên phạm tội được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật này thì không bị coi là có án tích [7].

Về vấn đề này, so với quy định tại Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1985 thì quy định tại Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999 về cơ bản là tương tự nhau. Các điều kiện, trình tự thủ tục xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội cũng giống như xóa án tích đối với người thành niên phạm tội. Tuy nhiên, xuất phát từ chính sách hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo, trừng trị kết hợp với cải tạo giáo dục người phạm tội trở thành người công dân tốt, có ích đối với xã hội, nên thời hạn để người chưa thành niên được xóa án tích ngắn hơn rất nhiều so với người đã thành niên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ bằng một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999. Cụ thể như sau:

- Sáu tháng đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo'

- Mười tám tháng đối với trường hợp bị phạt tù đến ba năm;

- Ba mươi tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ ba năm đến mười lăm năm;

- Bốn hai tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên mười lăm năm.

Mặc dù Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định rõ, nhưng theo tinh thần của Điều luật thì đối với vấn đề xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội cần lưu ý rằng, đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xóa án tích mà không áp dụng hình thức xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Ngoài ra, người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 1999: Giáo dục tại xã phường thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng thì không bị coi là có án tích và do đó cũng không đặt vấn đề xóa án tích đối với những người này.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH VÀ NHỮNG BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC

3.1.1. Đánh giá khái quát về việc áp dụng chế định xóa án tích

Qua việc nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn công tác xóa án tích chúng tôi có thể đưa ra được nhận định khái quát nhất về thực tiễn áp dụng các quy định xóa án tích như sau:

- + Số lượng người bị kết án yêu cầu được xóa án tích là rất ít;
- + Đa số người xin được cấp giấy chứng nhận xóa án tích là người thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, đặc biệt là trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo;
- + Vấn đề xóa án tích không nhận được sự quan tâm nhiều của xã hội.

Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời và có hiệu lực thi hành trên thực tế trong một khoảng thời gian khá dài, tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật về xóa án tích cũng như trong giới nghiên cứu khoa học luật hình sự vẫn chưa đi đến một cách hiểu thống nhất về khái niệm án tích cũng như khái niệm xóa án tích. Chính vấn đề này đã gây khó khăn trong việc giải thích pháp luật cũng công tác áp dụng pháp luật. Do vậy, trong lần sửa đổi sắp tới, các nhà làm luật nên đưa ra một khái niệm cụ thể, rõ ràng về án tích, xóa án tích và những vấn đề khác có liên quan.

Hiện nay, có rất nhiều trường hợp người bị kết án chưa được hoặc không bao giờ được xóa án tích do người bị kết án không có khả năng nộp các khoản tiền được quyết định trong bản án như: Tiền án phí, tiền bồi thường

thiệt hại, tịch thu tài sản, phạt tiền... Vì vậy, chúng tôi đề nghị cần có hướng dẫn cụ thể để có thể xem xét và quyết định việc xóa án tích cho những người bị kết án, nếu những người này thực sự có ý thức cải tạo tốt, chấp hành đúng và đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cụ thể là những đối tượng có thực sự khó khăn trong cuộc sống và họ không thể thực hiện phần còn lại của bản án hình sự liên quan đến các khoản tiền nói trên và có sự xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh khó khăn thì Tòa án nên cho những người này được xóa án tích để tạo cho họ có được một nhân thân tốt hơn để họ có thể dễ dàng kiếm được việc làm mới phù hợp hơn và để những người bị kết án này đỡ bị mặc cảm về những tội lỗi của mình đã gây ra.

Trong quá trình áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích đã nổi lên một vấn đề gây tranh luận, đó là thời hạn xóa án tích tính từ lúc nào, kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính hay kể từ khi chấp hành xong tất cả các hình phạt và quyết định mà Tòa án đã buộc người phạm tội phải chấp hành? Theo quan điểm của đại đa số các nhà luật học hiện nay thì thời hạn xóa án tích được tính kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong toàn bộ bản án. Điều này được hiểu là chỉ khi nào người bị kết án chấp hành xong tất cả các hình phạt chính, hình phạt bổ sung và quyết định của Tòa án thì mới bắt đầu tính thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999. Còn trong trường hợp, người bị kết án mới chấp hành xong hình phạt chính mà chưa chấp hành xong các phần khác của bản án thì chưa được tính thời hạn để xóa án tích.

Cũng về vấn đề cách tính thời hạn để được xem xét xóa án tích, có quan điểm cho rằng, thời hạn để tính xóa án tích được tính kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, các phần khác của bản án, người bị kết án có thể chấp hành bất cứ lúc nào. Chỉ khi nào chấp hành xong hết bản án thì mới được xem xét xóa án tích. Dưới góc độ nghiên cứu khoa học mà

nhìn nhận vấn đề thì quan điểm này không hề trái với các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, nếu vấn đề này được áp dụng trên thực tế sẽ có lợi hơn cho người bị kết án.

3.1.2. Những bất cập, vướng mắc trong quá trình áp dụng chế định xóa án tích trên thực tiễn

- Bất cập trong việc xác định thời hạn xóa án tích:

Việc xác định một người bị kết án đã được xóa án tích hay chưa có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xác định có hay không có hành vi phạm tội, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hoặc là căn cứ để hạn chế một số quyền về dân sự, hành chính, kinh tế... của đương sự.

Tuy là vấn đề quan trọng song việc xác định thời hạn để xóa án tích rất phức tạp, có những nội dung cần phải được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải thích rõ để có nhận thức thống nhất khi áp dụng trên thực tiễn. Cụ thể là vấn đề tính thời hạn để xóa án tích cũ khi phạm tội mới. Theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1999: "*Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ khi chấp hành xong bản án mới*" [7]. Theo nội dung này, thực tế đã có hai cách hiểu khác nhau:

+ *Thứ nhất*, nếu hiểu xóa án tích là xóa đi hậu quả pháp lý đối với người bị kết án theo từng bản án, có nghĩa là ngoài việc phải chịu hình phạt đối với tội mà họ đã phạm, người bị kết án còn bị pháp luật đặt vào hoàn cảnh thử thách trong xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để chứng tỏ họ đã hoàn lương. Theo đó những người phạm tội liên tục, phạm tội nhiều lần có ý thức chống đối pháp luật cao thì phải theo dõi, thử thách trong thời gian dài mới có đủ cơ sở để đánh giá họ đã trở thành người lương thiện hay chưa để từ đó làm căn cứ xóa án tích. Với quan điểm này thì sau khi chấp hành xong bản án mới, thời hạn để tính xóa án tích bao gồm khoảng thời gian để xóa án tích cho bản án cũ cộng với thời gian tính để xóa án tích cho bản án mới. Ví dụ:

Năm 2000, Trần Văn D bị phạt một năm về tội "Cướp giật" và D đã chấp hành xong bản án, theo quy định sau ba năm D sẽ được đương nhiên xóa án tích nếu không phạm tội mới. Tuy nhiên, năm 2002, D lại tái phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị phạt năm năm tù với thời hạn để được tính xóa án tích là năm năm (điểm c khoản 2 Điều 64). Theo cách tính thời hạn nêu trên, Trần Văn D sau khi chấp hành xong bản án về tội "Trộm cắp tài sản" nếu không phạm tội mới thì sau tám năm mới được công nhận đương nhiên xóa án tích.

+ *Thứ hai*, một quan điểm khác lại cho rằng, tính thời hạn xóa án tích trong trường hợp trên phải theo hướng có lợi cho người bị kết án có nghĩa là sau khi chấp hành xong bản án mới, người bị kết án sẽ đồng thời được tính thời gian để xóa án tích cho tất cả các bản án mà họ đã chấp hành xong trên cơ sở thời hạn của bản án nặng nhất đối với tội mà họ đã phạm. Theo cách tính thời hạn này đối với ví dụ nêu trên, sau khi chấp hành xong bản án thứ hai nếu không phạm tội mới thì Trần Văn D chỉ phải chịu thời gian thử thách là năm năm đã được công nhận đương nhiên xóa án tích.

- Vương mắc trong việc nhận thức về vị trí, vai trò của việc xóa án tích:

Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về xóa án tích cho thấy, về cơ bản Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật, cụ thể là hướng dẫn việc xóa án tích đã quy định khá cụ thể, chi tiết, rõ ràng về điều kiện, trình tự thủ tục để tiến hành xóa án tích đối với người đã bị Tòa án kết án. Tuy nhiên, trên thực tế, số người xin xóa án tích rất ít, có nhiều địa phương, nhiều Tòa án có năm không giải quyết trường hợp xin xóa án tích nào. Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao những người có đủ điều kiện xóa án tích lại không xin xóa án tích? Theo con số thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên từ năm 1998 đến tháng 4 năm 2006, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện việc cấp chứng nhận xóa án tích cho mười bảy trường hợp và chiếm đến trên 90% trong số các trường hợp này là xóa án tích cho người được hưởng án treo. Tuy nhiên, trong các trường hợp xin

xóa án tích này đều thuộc dạng đương nhiên xóa án tích, không có một trường hợp nào thuộc dạng xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Con số này quả là quá nhỏ so với số lượng án mà Tòa án đưa ra xét xử hàng năm. Thắc mắc về vấn đề này, tôi có trao đổi với người trực tiếp thực hiện công tác thi hành án hình sự trong đó có việc thực hiện xóa án tích cho người bị kết án và đã nhận được câu trả lời là thực tế người bị kết án chưa nhận thức được vị trí, vai trò của việc xóa án tích; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật hình sự nói chung và những quy định về xóa án tích nói riêng chưa được quan tâm đúng mức...

Qua nghiên cứu tình hình thực tế áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích của các Tòa án, cũng như qua việc thăm dò ý kiến của những người đã bị kết án đã xin xóa án tích hoặc không quan tâm đến việc xin xóa án tích, chúng ta có thể rút ra một số lý do chính như sau:

Thứ nhất, công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật của chúng ta chưa được quan tâm đúng mức. Pháp luật hình sự, mà cụ thể hơn là những quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích chưa tới được từng người bị kết án cũng như gia đình và người thân của họ. Do đó, họ chưa nhìn thấy được ý nghĩa, giá trị đích thực và vai trò to lớn của việc xóa án tích trong bước đường tương lai của họ. Hơn nữa, trong suy nghĩ của người đã từng bị kết án và chấp hành xong hình phạt, không một người nào có thể nghĩ rằng mình sẽ phạm tội mới để xin xóa án tích cũ. Trừ những kẻ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, coi việc phạm tội là một nghề nghiệp để kiếm sống. Đối với những kẻ phạm tội này, sự cải tạo, giáo dục của trại giam đối với chúng chưa thực sự có hiệu quả, và những tên này thường là chưa có đủ điều kiện để xóa án tích mà đã phạm tội mới. Thực tế công tác xóa án tích tại các Tòa án cho thấy, đại đa số những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt, có đầy đủ các điều kiện để được xóa án tích nhưng không xin xóa án tích. Việc không xin xóa án tích của những người này không phải là do họ không thích

được xóa án tích, mà họ chưa hiểu đúng bản chất pháp lý của việc xóa án tích và đồng thời họ cũng thấy thủ tục xóa án tích quá nhiều thủ tục, giấy tờ phức tạp. Họ nhìn nhận vấn đề xóa án tích như một thủ tục hành chính và thực tế người dân Việt Nam thường có cảm giác ngại hoặc sợ khi vướng mắc vào những thủ tục hành chính. Hơn nữa, những người đã có án thường có tâm lý mặc cảm với xã hội, họ không tự tin vào chính bản thân mình để hòa nhập với cuộc sống đời thường.

Thứ hai, chính những quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự cũng chưa phù hợp và chưa hợp lý. Sự phân biệt giữa người phạm tội ít nghiêm trọng và người phạm tội rất nghiêm trọng là cần thiết đối với công tác lập pháp và đường lối trừng trị kẻ phạm tội, nhưng lại không cần đối với người đã chấp hành xong hình phạt tù và các hình phạt bổ sung khác. Theo chúng tôi, Bộ luật hình sự không cần quy định thành hai loại xóa án tích riêng biệt (đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án) mà chỉ cần quy định một loại xóa án tích. Điều này cũng phù hợp với thông lệ chung của pháp luật hình sự thế giới. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, của tội phạm mà người đó thực hiện và hình phạt đối với họ để quy định điều kiện đối với từng trường hợp khác nhau. Nếu một người có đủ các điều kiện do pháp luật quy định thì coi như họ đã được xóa án tích.

Thực tiễn công tác xét xử cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng (công an, tòa án và viện kiểm sát) chỉ quan tâm đến người phạm tội đã được xóa án tích hay chưa, vì nó liên quan đến việc xác định tình trạng tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội. Nếu căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999 thì người được tòa án ra quyết định xóa án tích mới không bị coi là là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, nhưng thực tế để công bằng, các Tòa án chỉ căn cứ vào điều kiện xin xóa án tích để xác định người phạm tội có tái phạm hay không. Chẳng hạn, trường hợp C và D đầu bị kết án

bảy năm tù và đều không phạm tội mới trong thời hạn bảy năm kể từ khi chấp hành xong bản án. Cả hai đều đủ điều kiện để được xóa án tích, nhưng trên thực tế chỉ có C xin xóa án tích và được Tòa án quyết định xóa án tích cho C, còn D không xin xóa án tích. Sau đó, C và D đều phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng vì D chưa được Tòa án quyết định xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và bị xử theo khoản 2 Điều 140, có thể bị phạt đến bảy năm tù, còn C chỉ có thể bị phạt mức cao nhất là ba năm tù.

- Vương mắc trong những quy định về đương nhiên xóa án tích:

Đại đa số những người bị kết án đã được xóa án tích hoặc chưa được xóa án tích nhưng không quan tâm xóa án tích được hỏi về sự hiểu biết xung quanh vấn đề đương nhiên xóa án tích, họ đều cho rằng, đã là đương nhiên xóa án tích tức là họ cứ chấp hành xong các điều kiện về đương nhiên xóa án tích mà Bộ luật hình sự năm 1999 quy định là họ được xóa án tích, họ không cần làm bất cứ thủ tục gì, xin bất cứ cơ quan nào, họ coi đó là quyền lợi mà họ được hưởng đương nhiên. Người bị kết án hiểu như vậy về đương nhiên xóa án tích, nhưng thực tế áp dụng và thi hành những quy định trên thực tế thì lại không như thế. Các cơ quan nhà nước: Tòa án, Ủy ban nhân dân, các cơ quan hành chính... không quan tâm đến việc người đã bị kết án là thuộc dạng đương nhiên xóa án tích hay xóa án tích theo quyết định của Tòa án, dù người bị kết án có như thế nào đi nữa thì để được ghi vào lý lịch tư pháp là "chưa can án" họ đều phải có được giấy chứng nhận xóa án do Chánh án Tòa án cấp - Giấy chứng nhận xóa án mới là bằng chứng đáng tin cậy nhất để chứng minh một người đã từng bị kết án là chưa can án.

Giá trị và vai trò quan trọng của Giấy chứng nhận xóa án tích nên để có được Giấy chứng nhận, người bị kết án phải nộp đủ những giấy tờ theo quy định: Giấy xác nhận của chính quyền địa phương, cơ quan công tác về

việc chấp hành chính sách, pháp luật; Đơn xin xóa án tích; Biên lai nộp án phí và các khoản bồi thường khác (nếu có) ...đồng thời tuân thủ một trình tự thủ tục phức tạp và cuối cùng trước khi nhận Giấy chứng nhận, họ phải nộp một khoản phí là 10.000 đồng. Chính những quy định này thì không thể gọi là đương nhiên xóa án tích được.

Nếu hiểu đúng tinh thần của những quy định của Bộ luật hình sự về đương nhiên xóa án tích thì việc cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người đã bị kết án khi thỏa mãn các điều kiện về đương nhiên xóa án tích là trách nhiệm Tòa án, nó gần như thủ tục cuối cùng trong việc thực hiện trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Tuy nhiên, thực tế lại không như vậy, Tòa án cũng không coi đây là trách nhiệm và cũng không xem đó là quyền của mình, Tòa án sẽ cấp Giấy chứng nhận xóa án tích cho người được đương nhiên xóa án tích khi những người đó đáp ứng được những điều kiện luật định. Do vậy, về vấn đề đương nhiên xóa án tích cho người bị kết án sẽ hợp lý hơn cả nên quy định đó là quyền đương nhiên mà người bị kết án được hưởng và ngược lại là trách nhiệm của Tòa án. Quy định như vậy sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước trong việc điều tra, truy tố người phạm tội, cũng như công tác quản lý hành chính.

- Bất cập trong việc xác định các điều kiện để được xóa án tích:

Việc pháp luật quy định những điều kiện để được xóa án tích là người phạm tội không những phải chấp hành xong hình phạt, mà còn phải chấp hành xong các quyết định khác của bản án, đặc biệt là bồi thường thiệt hại. Bởi vì trong một số trường hợp như Tội cố ý làm trái, Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại về tài sản hoặc tội vô ý gây thiệt hại khác...người bị kết án phải bồi thường rất lớn nhưng lại không có khả năng kinh tế nên không thể xin xóa án tích. Trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì cách xác định các yếu tố nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án thế nào cũng là điều chưa rõ ràng, thiếu các tiêu chí cụ thể nên rất khó áp dụng.

- Bất cập trong kỹ thuật lập pháp các quy định về xóa án tích:

+ Hiện nay, theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành về xóa án tích thì thủ tục được cấp giấy chứng nhận xóa án tích còn nhiều phiền hà, đòi hỏi người bị kết án cung cấp nhiều loại giấy tờ. Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích, Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn có quy định yêu cầu người được xóa án tích phải xin giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án;

+ Trong vấn đề xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội vẫn còn quy định quá chung chung, thiếu sự cụ thể, rõ ràng;

+ Đối với trường hợp xóa án tích đối với người phạm tội nhưng được miễn hình phạt còn có điểm bất hợp lý. Vì theo tinh thần chung, việc xóa án tích chỉ được đặt ra đối với trường hợp người phạm tội bị Tòa án kết tội và chịu hình phạt, nếu được miễn hình phạt thì không thể đặt ra vấn đề xóa án tích nữa.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM KHẮC PHỤC NHỮNG BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC

3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích

Chế định xóa án tích trong pháp luật hình sự Việt Nam lần đầu tiên được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật chính thức của Nhà nước ta là Bộ luật hình sự năm 1985. Và kể từ đó đến nay, việc xóa án tích cho các trường hợp được đương nhiên xóa án tích, xóa án tích theo quyết định của Tòa án, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt, xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư liên ngành như: Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 01/08/1986 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp về việc xóa án; Thông tư số 03/TTLN ngày 15/07/1989 hướng dẫn bổ sung về việc xóa án; Công văn số 140/NCPL ngày 05/07/1990 của Tòa án nhân dân tối cao về việc xóa án đối với người được hưởng án treo.

Nhằm áp dụng có hiệu quả các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 6 khóa X đã thông qua Nghị quyết số 32/1999/QH10 về việc thi hành Bộ luật hình sự. Trong nghị quyết này đã quy định những vấn đề có tính nguyên tắc của việc thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó có quy định về xóa án tích trong điều kiện hiện nay. Do vậy, để cụ thể hóa việc thực hiện các nguyên tắc đó, cũng như thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, cần thiết phải có Thông tư liên ngành mới giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xóa án tích. Việc ban hành một thông tư liên ngành như vậy sẽ đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích. Chắc chắn trong thông tư liên ngành đó sẽ có những hướng dẫn cụ thể hơn, sát thực tế hơn cho các cơ quan cũng như những người có trách nhiệm trong việc xóa án tích.

Trong khi chờ một thông tư hướng dẫn liên ngành về việc xóa án tích, Tòa án cần giải quyết vấn đề xóa án tích cho người đã bị kết án theo đúng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 32/1999/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự.

Sau một quá trình nghiên cứu chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở tổng kết công tác thực tiễn áp dụng chế định của Tòa án các cấp, chúng tôi xin được đưa ra kiến nghị hướng hoàn thiện các quy định về xóa án tích theo Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

Thứ nhất, đối với Điều 63 Bộ luật hình sự năm 1999 nên được hoàn thiện theo hướng xác định rõ ràng hơn bản chất của chế định xóa án tích. Đó là án tích chỉ tồn tại đối với người bị kết án bị áp dụng hình phạt. Người bị kết án được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, bị áp dụng các biện pháp tư pháp thì không phải chịu án tích. Cụ thể là:

Điều 63: "*Người bị kết án và phải chịu hình phạt được xóa án tích theo quy định tại các Điều 64 đến Điều 67 của Bộ luật này.*

Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án cấp giấy chứng nhận".

Đồng thời, nếu vẫn giữ lại hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định thì cần bổ sung "*...được cấp giấy chứng nhận hoặc quyết định*".

Thứ hai, đối với Điều 64 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 1999 nên hoàn thiện theo hướng:

+ Hủy bỏ Điều 65, chỉ nên để lại hình thức xóa án tích duy nhất là đương nhiên xóa án tích;

+ Thời hạn đương nhiên xóa án tích được quy định tùy thuộc vào hình phạt được áp dụng;

+ Không nên coi yếu tố nhân thân là điều kiện để xem xét xóa án tích. Bởi vì nhân thân người phạm tội đã được đánh giá để quyết định hình phạt rồi;

+ Hủy bỏ khoản 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì trong trường hợp người bị kết án được miễn hình phạt thì không có án tích. Việc Bộ luật hình sự năm 1999 quy định người được miễn hình phạt được đương nhiên xóa án tích vào thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật là thiếu logic về mặt pháp lý và không có ý nghĩa về mặt thực tiễn.

Thứ ba, đối với Điều 67 Bộ luật hình sự năm 1999 nên hoàn thiện theo hướng hủy bỏ quy định về việc chấp hành xong các quyết định khác của bản án như là điều kiện để xóa án tích. Theo chúng tôi, chấp hành xong bản án là chấp hành xong các hình phạt chính và hình phạt bổ sung hoặc đã hết thời hiệu chấp hành các hình phạt đó là đủ điều kiện để được xóa án tích.

Thứ tư, liên quan đến vấn đề xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội, nếu vẫn giữ lại hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định thì cần hoàn thiện Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

1. Người chưa thành niên bị kết án được đương nhiên xóa án tích trong mọi trường hợp.

2. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật này.

3. Người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật này thì không bị coi là có án tích.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

Thực tiễn của việc xóa án tích trong những năm qua cho thấy, ngay chính bản thân người đã bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt, bởi những lý do khác nhau mà không có đơn yêu cầu Tòa án cấp giấy chứng nhận hoặc quyết định về xóa án tích. Điều đó gây không ít khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật, đặc biệt là khi cần xác định có tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Do vậy, điều quan trọng là phải tăng cường tuyên truyền phổ biến các quy định của Bộ luật hình sự nói chung và các quy định của chế định xóa án tích nói riêng. Có như vậy, mới phát huy được giá trị và vai trò đích thực của các chế định của Bộ luật hình sự nói chung và chế định xóa án tích nói riêng đối với việc đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm trong điều kiện đổi mới của đất nước.

3.2.3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước cơ thẩm quyền trong việc xóa án tích

Để những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích đi vào đời sống xã hội và phát huy được đúng với vị trí, vai trò và ý nghĩa của chế định xóa án tích, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nâng cao trách nhiệm của mình hơn nữa trong công tác;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Thực hiện đúng các quy định về xóa án tích cho người đã bị kết án;
- Đưa ra một cách áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước về việc xóa án tích;

- Giải thích cho người bị kết án biết được rằng họ phải có trách nhiệm hoặc được quyền xin xóa án tích khi đáp ứng được những điều kiện về xóa án tích;

- Phối hợp nhịp nhàng và thường xuyên có những buổi trao đổi nghiệp vụ giữa các cơ quan tư pháp và cơ quan hành chính (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án với Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội).

Nếu làm được như vậy, vấn đề xóa án tích cho người bị kết án sẽ khắc phục được những hạn chế, bất cập, vướng mắc, đồng thời phát huy được đúng vai trò, ý nghĩa của xóa án tích đối với người bị kết án, gia đình, người thân và xã hội.

KẾT LUẬN

1. Chế định xóa án tích là một trong những chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam. Từ trước đến nay, trong khoa học luật hình sự, chế định xóa án tích luôn được các nhà luật nghiên cứu luật hình sự trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, mặc dù chưa tương xứng với ý nghĩa, vai trò thực tế của chế định. Việc nghiên cứu cho thấy, xóa án tích là một chế định phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung phong phú nên còn nhiều nội dung vẫn còn có những ý kiến khác nhau, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chế định. Mặt khác, cùng với sự vận động và phát triển của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, những nội dung gắn với chế định xóa án tích cũng luôn vận động và phát triển. Vì vậy, việc nghiên cứu chế định xóa án tích luôn là việc làm có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, không những góp phần vào việc giải thích, hướng dẫn, tạo sự nhận thức và áp dụng đúng đắn các quy phạm pháp luật liên quan đến chế định xóa án tích mà còn có ý nghĩa góp phần tiếp tục hoàn thiện chế định này trong thời gian tới.

2. Cho đến nay, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về chế định xóa án tích, song kết quả của các công trình nghiên cứu đó cho thấy nhiều nội dung liên quan đến chế định xóa án tích còn chưa có sự thống nhất về nhận thức, thậm chí chưa có sự thống nhất ngay cả nội dung cơ bản của xóa án tích như: Khái niệm án tích, xóa án tích; thời hạn xóa án tích; trình tự thủ tục xóa án tích... Trong luận văn này, chúng tôi cố gắng giải quyết một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam.

3. Qua nghiên cứu chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam, chúng tôi nhận thấy Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã thể hiện bước phát triển mới trong lĩnh vực lập pháp hình sự thể hiện bản chất nhân đạo của

pháp luật hình sự nước ta, phù hợp với tình hình mới, đã giải quyết được một cách khoa học nhiều vấn đề cơ bản của luật hình sự, trong đó có vấn đề xóa án tích, nhất là việc quy định các trường hợp xóa án tích cụ thể hơn, góp phần tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng và chống tội phạm trong điều kiện, hoàn cảnh mới.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, một số quy phạm của luật hình sự liên quan đến chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999 còn có những bất cập, thiếu đồng bộ và tính khả thi. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng, mặc dù Bộ luật hình sự năm 1999 đã có hiệu lực từ lâu nhưng đến nay nhiều chế định của Bộ luật hình sự, trong đó có những quy định về xóa án tích, còn có những nhận thức không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

4. Kết quả nghiên cứu cho phép chúng tôi đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về xóa án tích theo hướng nhân đạo hơn, phù hợp với xu thế chung của pháp luật hình sự thế giới là không có án tích hoặc chỉ có một hình thức xóa án tích duy nhất là đương nhiên xóa án tích, đồng thời rút ngắn thời hạn xóa án tích.

Chúng tôi cũng có một số kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định xóa án tích trong thực tế.

5. Mặc dù trong luận văn này chúng tôi chưa giải quyết hết được những nội dung cơ bản của chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam, do xóa án tích là một vấn đề phức tạp và chưa được nghiên cứu nhiều. Chúng tôi hy vọng những kết quả của luận văn sẽ góp phần làm phong phú thêm khoa học luật hình sự liên quan đến vấn đề xóa án tích. Chúng tôi cũng hy vọng luận văn sẽ là một trong những nguồn tài liệu để tham khảo hoàn thiện Bộ luật hình sự trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY

1. *Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.*
2. *Bộ luật hình sự Liên bang Nga.*
3. *Bộ luật hình sự Nhật Bản.*
4. *Bộ luật hình sự Thái Lan.*
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
7. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
13. *Thông tư số 02-TTLN liên ngành của TANDTC, VKSNDTC, BTP, BNV ngày 01/08/1986 về việc xóa án*, Hà Nội.

14. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập 1 (1945 - 1974)*, Hà Nội.
15. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập 2 (1975 - 1978)*, Hà Nội.
16. Tòa án nhân dân tối cao (1989), *Thông tư 02/TT ngày 28/04 về sửa đổi mức thu án phí, lệ phí*, Hà Nội.
17. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Công văn số 140/NCPL ngày 05/07 hướng dẫn việc xóa án đối với người được hưởng án treo*, Hà Nội.

SÁCH GIÁO TRÌNH

18. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1999), *Giáo trình luật hình sự*, Hà Nội.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự*, Hà Nội.

CÁC LUẬN VĂN

20. Nguyễn Thị Lan (2003), *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Minh Phương (2001), *Chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội.

SÁCH THAM KHẢO

22. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
23. Phạm Hồng Hải (1993), *Xóa án - Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Phạm Thị Học (2004), "Chương XV", Trong *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Trần Đình Nhã (2001), "Chương IX: Xóa án tích", Trong sách: *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (phần các tội phạm)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Rarôg A.L (2000), "Chương XVIII: Miễn hình phạt", *Giáo trình luật hình sự Nga* (dành cho các trường Đại học), Nxb NORMA, Maxcova.
28. Hồ Sỹ Sơn (2001), "Án tích theo Bộ luật hình sự Việt Nam 1999", *Nhà nước và pháp luật*, (12).
29. Tkatrevxki Iu.M (1993), "Chương XVII: Miễn trách nhiệm hình sự và hình phạt", Trong sách: *Giáo trình luật hình sự (phần chung)*, Nxb Trường Đại học tổng hợp Quốc gia Maxcova.
30. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
31. Vittenberg G.B (1955), *Một số vấn đề thực tiễn áp dụng Pháp lệnh của Chủ tịch đoàn Xôviết tối cao Liên xô ngày 27/04/1953 về Đại xá*, Trường Đại học tổng hợp Irkutsk.

Thank you for evaluating AnyBizSoft PDF Merger! To remove this page, please register your program!

[Go to Purchase Now>>](#)



AnyBizSoft

PDF Merger

- ✓ Merge multiple PDF files into one
- ✓ Select page range of PDF to merge
- ✓ Select specific page(s) to merge
- ✓ Extract page(s) from different PDF files and merge into one